

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC NGHỆ AN VÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC NGHỆ AN KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA BÊN NGOÀI

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 038 8668 118

Fax: 038 8668 118

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 Phan Đăng Lưu - TP Vinh - Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 038 8668 118 Fax: 038 8668 118

TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 02 và 03, tòa nhà Machinco Buiding, số 444 Hoàng Hoa Thám, Q. Tây Hồ, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 04.3573 0200 Fax: 04 3577 1966

MỤC LỤC

I. KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT.....	4
II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT ĐẦU GIÁ.....	6
III. TÌNH HÌNH CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.....	7
1. Tên, địa chỉ doanh nghiệp cổ phần hóa:.....	7
2. Lịch sử hình thành và phát triển doanh nghiệp	8
____2.1 Các văn bản thành lập doanh nghiệp.....	8
____2.2 Quá trình phát triển.....	8
3. Ngành, nghề kinh doanh:.....	10
4. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu:	11
5. Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý:	12
6. Lao động tiếp tục chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần.....	18
7. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước.....	18
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	22
____8.1 Đất đai.....	22
____8.2Tài sản cố định của doanh nghiệp	23
9. Danh sách những công ty mẹ và công ty con: Không có.....	24
10. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp 3 năm trước khi cổ phần hóa	24
____10.1.Tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.....	24
____10.2 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa.....	30
____10.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.31	
11. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	33
____11.1 Vị thế của công ty trong ngành	33
____11.2 Triển vọng phát triển ngành.....	34
____11.3 Sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung thế giới:	34
IV. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	35

1.	Một số thông tin chủ yếu về kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa:	35
2.	Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 5 năm liền kề sau khi cổ phần hóa:	35
V.	THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....	39
1.	Thông tin chung về Công ty cổ phần	39
2.	Cơ cấu tổ chức bộ máy công ty:	42
3.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	Error! Bookmark not defined.
_____	<i>3.1 Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ:</i>	
	Error! Bookmark not defined.	
_____	<i>3.2 Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần:.....</i>	<i>50</i>
4.	Rủi ro dự kiến:.....	50
_____	<i>4.1 Rủi ro kinh tế.....</i>	<i>50</i>
_____	<i>4.2 Rủi ro về luật pháp.....</i>	<i>52</i>
_____	<i>4.3 Rủi ro đặc thù.....</i>	<i>52</i>
_____	<i>4.4 Rủi ro của đợt chào bán.....</i>	<i>53</i>
_____	<i>4.5 Rủi ro khác.</i>	<i>54</i>
5.	Phương thức bán và thanh toán	54
_____	<i>5.1 Phương thức bán:.....</i>	<i>54</i>
_____	<i>5.2 Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán:</i>	<i>55</i>
_____	<i>5.3 Đối tượng tham gia và số lượng cổ phần đăng ký mua qua đấu giá công khai:</i>	<i>55</i>
_____	<i>5.4 Thời gian và địa điểm thực hiện đối với bán đấu giá công khai</i>	<i>55</i>
6.	Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa:	56
7.	Những người chịu trách nhiệm chính với nội dung công bố thông tin:	57
_____	<i>7.1 Ban chỉ đạo cổ phần hóa.....</i>	<i>57</i>
_____	<i>7.2 Đại diện Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.....</i>	<i>58</i>
_____	<i>7.3 Đại diện tổ chức tư vấn bán đấu giá:.....</i>	<i>58</i>
VI.	KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT.....	58
VII.	KẾT LUẬN.....	59

I. KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

- **Công ty:** Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Nghệ An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04 tháng 04 năm 2014 (Đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 06 năm 2006).
- **Cổ phần:** Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- **Cổ phiếu:** Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần
- **Cổ đông:** Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông
- **Cổ tức:** Khoản lợi nhuận ròng được trả bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính
- **Vốn điều lệ:** Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Bản Điều lệ.

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong bản Công bố thông tin này có nội dung như sau:

- **TNHH:** Trách nhiệm hữu hạn
- **MTV:** Một thành viên
- **DT:** Doanh thu
- **CP:** Chi phí
- **GVHB:** Giá vốn hàng bán
- **QLDA:** Quản lý dự án
- **LNST:** Lợi nhuận sau thuế
- **HTK:** Hàng tồn kho
- **TC-HC:** Tổ chức hành chính
- **KH-KD:** Kế hoạch kinh doanh

- **XHCN** Xã hội chủ nghĩa
- **CBCNV:** Cán bộ công nhân viên
- **UBND:** Ủy ban nhân dân
- **ĐKKD:** Đăng ký kinh doanh

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT ĐẤU GIÁ

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ tám Quốc hội khoá XIII ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2015;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 05 năm 2006 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn.
- Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước.
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp DNNN 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi DNNN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 12/03/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc cổ phần hoá công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An;
- Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 26/03/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hoá công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An;
- Quyết định số 31/QĐ-BCĐCPH ngày 10/04/2014 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An;
- Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An;
- Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An thành Công ty cổ phần.

- Các văn bản khác có liên quan.

III. TÌNH HÌNH CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Tên, địa chỉ doanh nghiệp cổ phần hóa:

- **Tên doanh nghiệp:** CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
- **Tên Tiếng Anh:** NGHE AN WATER SUPPLY ONE-MEMBER LIMITED COMPANY
- **Tên viết tắt:** NAWASCO.,LTD
- **Vốn điều lệ theo ĐKKD:** 175.511.870.900 VNĐ (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi lăm tỷ, năm trăm mười một triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, chín trăm đồng*)
- **Trụ sở chính:** Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- **Số điện thoại:** 038 8668 118
- **Fax:** 038 8668 118
- **Website:** <http://www.nawasco.com.vn/>
- **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Nguyễn Xuân Thắng – Giám đốc Công ty
- **Tên địa điểm kinh doanh:**
 - Xí nghiệp cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh
 - Xí nghiệp cấp nước các đô thị miền Tây
 - Thành phố Vinh
- **Địa chỉ kinh doanh:**
 - Xóm 4, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
 - Xóm 7, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
 - Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- **Logo:**



- **Email:** capnuocna@gmail.com

- **Chủ sở hữu:** UBND tỉnh Nghệ An

- **Địa chỉ chủ sở hữu:** Số 3, đường Trường Thi, Phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Lịch sử hình thành và phát triển doanh nghiệp

2.1 Các văn bản thành lập doanh nghiệp

- Quyết định số 590 UB/QĐ ngày 15 tháng 3 năm 1995 về việc đổi tên Nhà máy nước Vinh thành Công ty Cấp nước Nghệ An
- Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2006 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chuyển đổi Công ty cấp nước Nghệ An thành Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Nghệ An.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Nghệ An số 2900324240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 09 tháng 06 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04 tháng 04 năm 2014

2.2 Quá trình phát triển

Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Nghệ An tiền thân là Nhà máy nước Vinh được thành lập từ năm 1957. Công ty ban đầu chỉ có một cơ sở sản xuất với công suất nhỏ để cung cấp nước sạch cho khu trung tâm Thành phố Vinh.

Ngày 15/03/1995, UBND tỉnh Nghệ An đã có quyết định số 590 UB/QĐ ngày 15/03/1995 về việc đổi tên Nhà máy nước Vinh thành Công ty Cấp nước Nghệ An, đồng thời giao nhiệm vụ mới cho Công ty mở rộng phạm vi hoạt động; tìm kiếm nguồn vốn đầu tư để mở rộng và nâng cấp hệ thống cấp nước tại thành phố Vinh và thị trấn các huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Năm 1996, thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Nghệ An về việc cấp nước cho thị trấn các huyện miền núi, Dự án cấp nước thị trấn 6 huyện Miền núi bằng nguồn vốn

ODA của Chính phủ Hoàng gia Đan Mạch tài trợ. Dự án nhằm mục tiêu cung cấp nước sạch cho thị trấn các huyện gồm Đô Lương, Anh Sơn, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ và Con Cuông với tổng công suất 6.500 m³/ngày đêm.

Năm 2001, Dự án hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng. Theo đó đã hình thành Xí nghiệp cấp nước các Thị trấn Miền núi, nay là Xí nghiệp cấp nước các Đô thị Miền Tây trực thuộc Công ty. Hiện tại, xí nghiệp Cấp nước các Đô thị miền Tây đang vận hành và quản lý 9 hệ thống cấp nước thuộc vùng miền núi phía Tây tỉnh Nghệ An với tổng công suất hơn 10.000 m³/ngày đêm và tổng số lượng khách hàng dùng hơn 17.000 hộ.

Ngày 20/01/2006, theo Quyết định số 315/QĐ-UBND-ĐMDN của UBND tỉnh Nghệ An, trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty cấp nước Nghệ An sang Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An và phát triển đến ngày nay.

Với tiền thân Nhà máy nước Vinh công suất 1.200 m³/ngày đêm, mỗi năm chỉ cấp được 0,4 triệu m³ nước cung cấp cho các khu dân cư và công sở. Qua các thời kỳ, với sự hỗ trợ của các nước XHCN, nhà máy đã dần dần được mở rộng và nâng công suất. Đến nay, Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Nghệ An đã đảm bảo cung cấp nước sạch để phục vụ nhân dân với phạm vi không chỉ cho thành phố Vinh mà còn cho các thị trấn, các huyện và các vùng phụ cận thành phố, đáp ứng thoả mãn nhu cầu sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất công nghiệp của phần lớn đô thị Tỉnh nhà. Ngoài nhà máy nước Hưng Vĩnh với công suất 60.000 m³/ngày đêm, Công ty đang quản lý các nhà máy nước ở thị trấn các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn, Đô Lương, Tân Kỳ, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Thanh Chương, Nam Đàn, Hưng Nguyên với tổng công suất toàn Công ty gần 100.000 m³/ngày đêm.

Hiện tại, Công ty đã hoàn thành Dự án Cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh với công suất 20.000 m³/ngày đêm bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Phần Lan và vốn đối ứng của Tỉnh. Dự án nhằm giải quyết tình trạng thiếu nước sạch trầm trọng tại các vùng phụ cận thành phố Vinh, trong đó có mục tiêu phát triển Khu công nghiệp Nam Cẩm và một phần khu kinh tế Đông Nam Nghệ An cung cấp nước sạch cho các vùng thuộc địa bàn các xã Kim Liên và Nam Giang của huyện Nam Đàn, xã Hưng Tây của huyện Hưng Nguyên, các xã Nghi Kim, Nghi Liên và Hưng Đông của thành phố Vinh, các xã Nghi Long, Nghi Trung, Nghi Thuận, Nghi Vạn, Nghi Trường, Nghi Hoa, Nghi Long, Nghi Thịnh và thị trấn Quán Hành của huyện Nghi Lộc. Đồng thời, Công ty đang triển khai Dự án Cải tạo mạng giảm thất thoát nước bằng nguồn vốn của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để nâng cấp Hệ thống mạng lưới cấp nước tại thành phố Vinh. Bên cạnh đó, để phát triển và dần dần hoàn thiện đội ngũ cán bộ quản lý và công nhân viên có tay nghề cao.

Tổ chức Đảng từ Chi bộ Nhà máy nước Vinh trực thuộc Thành ủy Vinh nay là Đảng bộ Công ty TNHH Một thành viên cấp nước Nghệ An đã có 124 đảng viên trực thuộc Đảng bộ khối Doanh nghiệp Nghệ An. Với vai trò “hạt nhân chính trị cơ sở”, Đảng bộ luôn đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp về mọi mặt đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh phục vụ đời sống cán bộ, công nhân viên cũng như các hoạt động của tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty.

Tổ chức Công đoàn Công ty với 693 đoàn viên sinh hoạt tại 14 Công đoàn bộ phận đã duy trì tốt việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, xây dựng công đoàn vững mạnh, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyên truyền và giáo dục, vận động và tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, phong trào sáng kiến tiết kiệm, luyện tay nghề, thi thợ giỏi, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, xây dựng và giữ vững danh hiệu “Cơ sở văn hóa”.

3. Ngành, nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận ĐKKD số 2900324240 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 09/6/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04/4/2014, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai)	3600 (Chính)
2	Hoạt động tư vấn thiết kế chuyên dụng (Tư vấn thiết kế, thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình cấp thoát nước)	7410
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp)	4390
4	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
5	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí và công nghệ nhà máy sản xuất nước	4322
7	Hoạt động tư vấn quản lý (Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu và quản lý dự án công trình cấp thoát	7020

	nước)	
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư kinh doanh địa ốc, nhà ở chung cư, dịch vụ quản lý chung cư và cao ốc văn phòng)	6810
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước đến cấp 3)	7110
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng các công trình cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật)	4290
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu chuyên ngành cấp thoát nước	2599
12	Xây dựng nhà các loại	4100
13	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Mua bán vật liệu xây dựng và vật tư thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước)	4752
15	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Lắp đặt hệ thống phòng, chữa cháy; trụ cứu hỏa)	4329
16	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước	4663

4. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch cung cấp cho các đối tượng sử dụng là người dân, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ
- Lắp đặt, sửa chữa đường ống, đồng hồ và các sản phẩm cơ khí thiết bị chuyên dùng cho ngành nước
- Thiết kế thi công, lắp đặt các trạm bơm nhỏ và đường ống cấp nước với quy mô vừa theo yêu cầu của khách hàng

5. Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý:

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay theo mô hình Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên, thực hiện các chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý tổ chức, điều hành hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật, gồm có:

- Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc do UBND tỉnh Nghệ An bổ nhiệm có thời hạn

- Phó Giám đốc Công ty bao gồm 2 người do Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty bổ nhiệm có thời hạn. Phó Giám đốc giúp Giám đốc Công ty điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được Giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

- Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc trong quản lý điều hành công việc, nhằm đảm bảo cho việc quản lý tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả và đúng pháp luật. Bao gồm:

+ 04 phòng trực thuộc: : - Phòng Tổ chức - Hành chính

- Phòng Kinh doanh

- Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật

- Phòng Tài vụ

+ 03 Ban:

- Ban quản lý dự án cải tạo mạng giảm thất thoát nước thành phố Vinh (giai đoạn 1)

- Ban quản lý dự án cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh

- Ban Thanh tra

+ 03 Xí nghiệp:

- Xí nghiệp xây lắp nước

- Xí nghiệp cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh, quản lý 05 trạm trực thuộc (bao gồm: Trạm dịch vụ cấp nước số 1, số 2, số 3; Trạm cấp nước Cầu Bạch; Trạm cấp nước Nam Đàn)

- Xí nghiệp cấp nước các đô thị miền Tây, quản lý 09 trạm cấp nước trực thuộc bao gồm:

+ Trạm Kỳ Sơn

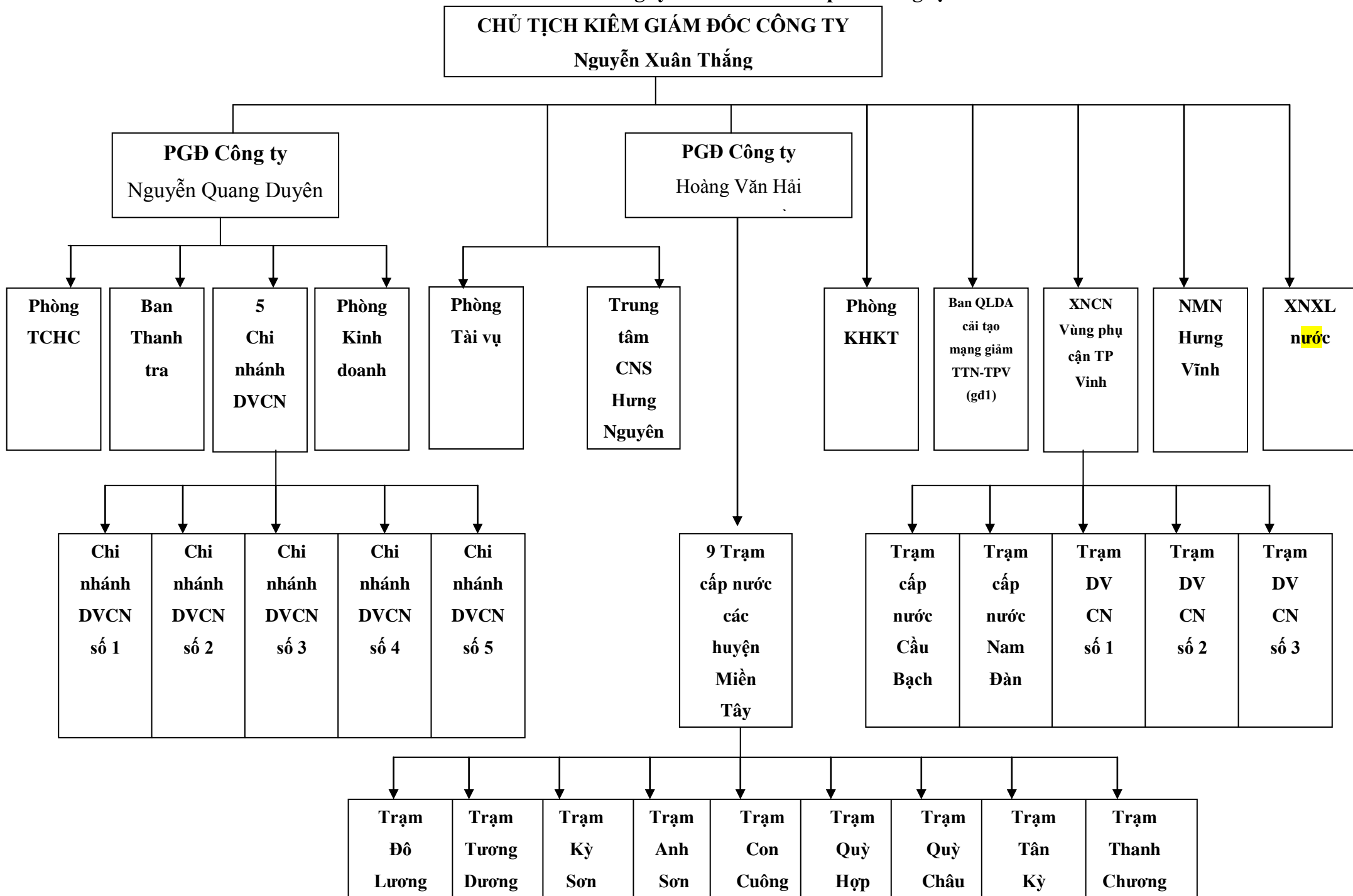
- + Trạm Tương Dương
- + Trạm Con Cuông
- + Trạm Anh Sơn
- + Trạm Đô Lương
- + Trạm Thanh Chương
- + Trạm Tân Kỳ
- + Trạm Quỳnh Hợp
- + Trạm Quỳnh Châu

+ Trung tâm cấp nước sạch Hưng Nguyên

+ Nhà máy nước Hưng Vĩnh

+ 5 Chi nhánh dịch vụ cấp nước: số 1, số 2, số 3, số 4, số 5.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An



Chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban, xí nghiệp:

a. Phòng Kinh doanh

- Tham mưu cho Giám đốc về quản lý khách hàng và kết quả khối lượng sản phẩm
- Quản lý đội thu ngân tại địa bàn thành phố Vinh, với tiêu chí; thu đúng, thu đủ, thu kịp thời sản phẩm nước sạch đã tiêu thụ hàng tháng.
- Cung cấp số liệu về tình hình tiêu thụ nước sạch, thống kê khách hàng làm cơ sở xây dựng kế hoạch tổ chức SXKD, đảm bảo nguồn tài chính cho Công ty phát triển SXKD.

b. Phòng Tổ Chức - Hành chính

- Lập kế hoạch tổ chức bộ máy, tổ chức tuyển dụng, sắp xếp nhân lực, đào tạo nhân lực (đào tạo nội bộ), tổ chức thi tuyển nâng bậc, quản lý hồ sơ lý lịch, làm thống kê báo cáo, xây dựng quy chế nội bộ về Lao động, tiền lương....theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.
- Phối hợp với các đoàn thể quần chúng tổ chức phong trào thi đua, các đợt học tập thời sự, chính trị, chính sách, văn hoá, ngoại ngữ để nâng nghiệp vụ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ đồng thời tổng hợp, đánh giá kết quả Thi đua - Khen thưởng - Kỷ luật trong toàn Công ty.

c. Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật

- Xây dựng, tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.
- Quản lý kỹ thuật hệ thống cấp nước, các công trình XD/CB liên quan thuộc thẩm quyền Công ty quản lý; thực hiện các công tác tư vấn thiết kế, giám sát, thẩm định các công trình cấp, thoát nước trong và ngoài tỉnh.
- Tham mưu Giám đốc Công ty về đầu tư, phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển các trạm, nhà máy.
- Nghiên cứu cải tiến công nghệ đang sản xuất để nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm; Quản lý các định mức kỹ thuật.
- Quản lý kỹ thuật mạng lưới cấp nước, máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh. Giám sát việc thi công, lắp đặt, cải tạo các công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Vinh.
- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về chế độ vận hành của trạm bơm cấp 2 và các

trạm bơm tăng áp. Trực tiếp điều hành lưu lượng, áp lực theo chế độ được Giám đốc duyệt.

d. Phòng Tài vụ

- Hạch toán công tác thống kê kế toán trong toàn đơn vị, quản lý tài chính, tài sản, vật tư tiền vốn của nhà nước cũng như của Công ty đảm bảo đúng chế độ của nhà nước.

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tổ chức thực hiện công tác quản lý tài chính đúng chế độ chính sách và pháp luật của nhà nước, đảm bảo hài hoà 3 lợi ích (nhà nước, doanh nghiệp, người lao động)

- Lập kế hoạch tổ chức thực hiện công tác thống kê, kế toán tại phòng và các đơn vị phụ thuộc. Đảm bảo nguồn tài chính cho Công ty phát triển SXKD và thực hiện các kế hoạch tái đầu tư mở rộng sản xuất.

- Thực hiện các chế độ nộp ngân sách, trích nộp các khoản bảo hiểm cũng như tiền lương, tiền thưởng, chế độ ngày lễ, ngày tết, chế độ ốm đau, thai sản của người lao động đầy đủ, kịp thời

e. Ban Thanh tra

- Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra giám sát khách hàng sử dụng nước.

- Rà soát chuyển đổi mục đích sử dụng nước của khách hàng.

- Thanh tra, kiểm tra những hành vi, vi phạm trong nội bộ và ngoài công ty (Kể cả khách hàng và không phải khách hàng) liên quan đến công việc quản lý mạng cấp nước của Công ty .

- Xử lý đơn thư khiếu nại của khách hàng và của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Phối hợp cùng các phòng ban, Chi nhánh trong công tác kiểm tra xử lý vi phạm của khách hàng.

f. Các Chi nhánh dịch vụ cấp nước

- Quản lý, ghi khối lượng tiêu thụ nước của khách hàng bao gồm các hộ cơ quan và dân cư đóng trên địa bàn chi nhánh quản lý. Lắp đặt, cải tạo, sửa chữa toàn bộ hệ thống ống cấp 3, ống nhánh và đồng hồ đo nước trên địa bàn các phường, xã.

- Tiếp nhận và hướng dẫn khách hàng làm thủ tục lắp đặt sử dụng nước máy trên địa bàn.

- Khảo sát, thiết kế và lập hồ sơ quyết toán (theo đơn giá, định mức của cấp có thẩm quyền phê duyệt và ban hành).

- Thi công lắp đặt đầu nối mới cho khách hàng, lập biên bản nghiệm thu lắp đặt có xác nhận của khách hàng.

- Phối hợp với phòng KHKT quản lý các tuyến ống cấp 1, cấp 2 như: phát hiện rò rỉ, sự cố... các hiện tượng vi phạm quy chế quản lý mạng báo cáo công ty kịp thời để xử lý, giám sát, sử dụng nước các hòng cứu hoả thuộc địa bàn chi nhánh quản lý.

g. Xí nghiệp cấp nước vùng phụ cận TP.Vinh

- Sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt, cung cấp nước đến các khách hàng (hộ dân, cơ quan) tại khu vực vùng phụ cận thành phố Vinh.

- Quản lý bảo vệ toàn bộ tài sản thuộc hệ thống cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh do nhà nước đầu tư và các tài sản khác do Công ty đầu tư xây dựng.

- Vận hành, bảo dưỡng toàn bộ các hệ thống đường ống cấp nước, máy móc, thiết bị các Trạm sản xuất.

- Tham gia lắp đặt mạng ống cấp 3 và đầu nối từ đồng hồ về trước theo thiết kế được duyệt hoặc có điều chỉnh theo thực tế hiện trường, đẩy nhanh tốc độ phát triển khách hàng.

h. Xí nghiệp cấp nước các đô thị Miền Tây

- Sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt, cung cấp nước đến các khách hàng (hộ dân) tại khu vực các Thị trấn Miền Tây.

- Quản lý bảo vệ toàn bộ tài sản thuộc hệ thống cấp nước các đô thị Miền Tây do nhà nước đầu tư và các tài sản khác do Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An đầu tư xây dựng.

- Vận hành, bảo dưỡng toàn bộ các hệ thống đường ống cấp nước, máy móc, thiết bị các trạm sản xuất.

- Tham gia lắp đặt mạng ống cấp 3 và đầu nối từ đồng hồ về trước theo thiết kế được duyệt hoặc có điều chỉnh theo thực tế hiện trường, đẩy nhanh tốc độ phát triển khách hàng.

i. Xí nghiệp xây lắp nước

- Thừa uỷ quyền của Giám đốc Công ty tham gia đấu thầu các công trình, ký kết hợp đồng và thi công lắp đặt các công trình xây dựng, giao thông, thuỷ lợi, cấp thoát nước, điện năng.

- Thi công lắp đặt, cải tạo mạng cấp nước trong và ngoài Thành phố.

- Quản lý điều hành nhân lực. giải quyết chế độ lương, thưởng, kỷ luật theo các điều khoản của Luật lao động và các điều cam kết trong Hợp đồng lao động đã ký.

k. Ban QLDA cải tạo mạng giảm thất thoát nước - TP Vinh (giai đoạn 1).

- Lập kế hoạch, quản lý dự án;
- Thực hiện các hoạt động đấu thầu và quản lý hợp đồng;
- Quản lý tài chính tài sản và giải ngân;
- Công tác hành chính, điều phối và trách nhiệm giải trình;
- Công tác theo dõi, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện, thu bàn giao, quyết toán Dự án;

l. Trung tâm cấp nước sạch Hưng Nguyên

- Sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt, cung cấp nước đến các khách hàng (hộ dân, cơ quan) tại khu vực Hưng Nguyên.

- Quản lý bảo vệ toàn bộ tài sản thuộc hệ thống cấp nước Hưng Nguyên do nhà nước đầu tư và các tài sản khác do Công ty TNHH 1 TV cấp nước Nghệ An đầu tư xây dựng.

- Tham gia lắp đặt mạng ống cấp 3 và đấu nối từ đồng hồ về trước theo thiết kế được duyệt hoặc có điều chỉnh theo thực tế hiện trường, đẩy nhanh tốc độ phát triển khách hàng.

m. Nhà máy nước Hưng Vĩnh

- Sản xuất cấp nước sạch, phục vụ đời sống nhân dân và các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ quan, trường học...trên địa bàn Thành phố Vinh.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả toàn bộ tài sản thuộc hệ thống dây chuyền cấp nước 2 vạn và 4 vạn do Nhà nước đầu tư và các tài sản khác do Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An đầu tư xây dựng.

- Quản lý điều hành nhân lực, giải quyết chế độ tiền lương, thưởng, xử lý kỷ luật theo các điều khoản của Luật lao động và các điều cam kết trong hợp đồng lao động đã ký.

- Vận hành hệ thống các máy móc, thiết bị Nhà máy. Xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất hạ tầng, máy móc thiết bị Nhà máy và các trạm sản xuất, trên cơ sở phê duyệt của Phòng Kỹ thuật và Lãnh đạo Công ty.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, khối xóm trên địa bàn phường Cửa Nam và huyện Hưng Nguyên thực hiện tốt công tác bảo vệ, an toàn trật tự khu vực trạm bơm I Cầu Mượu, cầu Đước và khu vực Nhà máy.

6. Lao động tiếp tục chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần

Số lượng lao động tiếp tục chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần là: 646 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Cơ cấu lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần

Stt	Nội dung	Số lao động (người)
1	Lao động có trình độ đại học và trên đại học	233
2	Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp	311
3	Lao động đã được đào tạo qua các trường công nhân, kỹ thuật, dạy nghề.	102
4	Số lao động chưa qua đào tạo	0
	Tổng số lao động	646

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

Dự kiến chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư là **3.740.941.150 đồng**
Nguồn kinh phí tính toán áp dụng theo NĐ 63/CP/2015 ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, bao gồm:

- Nguồn kinh phí dự kiến chi trả lấy từ tiền bán cổ phần: **3.726.451.150 đồng**

Trong đó:

- Dự kiến chi trả cho 19 người lao động thuộc Khoản 1 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ-CP: **2.000.597.500 đồng**
 - Dự kiến chi trả cho 03 người lao động thuộc Khoản 2 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ-CP: **60.950.000 đồng**
 - Dự kiến chi trả cho 24 người lao động thuộc Khoản 4 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ-CP: **1.664.903.650 đồng**
- Nguồn kinh phí dự kiến chi trả từ chi phí của Doanh nghiệp: **14.490.000 đồng**

7. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 4469/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An, giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

Giá trị thực tế của doanh nghiệp: 445.744.956.596 đồng

Nợ thực tế phải trả: 150.122.880.066 đồng

Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: **295.622.076.530 đồng**

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>(4)=(3)-(2)</i>
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	368.182.731.748	445.509.080.947	77.326.349.199
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	255.744.989.875	333.692.435.481	77.947.445.606
1. Tài sản cố định	242.069.681.111	320.017.126.717	77.947.445.606
<i>a. Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>242.069.681.111</i>	<i>320.017.126.717</i>	<i>77.947.445.606</i>
<i>b. Tài sản cố định vô hình</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>c. Bất động sản đầu tư</i>			<i>-</i>
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.558.290.489	13.558.290.489	-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn			-
5. Chi phí trả trước dài hạn	117.018.275	117.018.275	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	112.437.741.873	111.816.645.466	(621.096.407)
1. Tiền	11.089.962.200	11.089.861.913	(100.287)
<i>a. Tiền mặt tồn quỹ</i>	<i>1.425.421.187</i>	<i>1.425.420.900</i>	<i>(287)</i>
<i>b. Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>9.664.541.013</i>	<i>9.664.441.013</i>	<i>(100.000)</i>
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.300.757.836	17.300.757.836	-
3. Các khoản phải thu	50.397.576.000	50.399.559.930	1.983.930

4. Hàng tồn kho	30.190.052.761	29.589.738.331	(600.314.430)
5. TSLĐ khác	3.459.393.076	3.436.727.456	(22.665.620)
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng	119.430.921	119.430.921	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	119.430.921	119.430.921	-
1. Tài sản cố định	119.430.921	119.430.921	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn			
C. Tài sản chờ thanh lý	5.877.499.025	5.877.499.025	-
1. TSCĐ và đầu tư dài hạn	5.877.499.025	5.877.499.025	-
2. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C+D). Trong đó:	374.179.661.694	451.506.010.893	77.326.349.199
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	368.182.731.748	445.509.080.947	77.326.349.199
E1. Nợ thực tế phải trả Trong đó:	150.122.880.066	150.122.880.066	-
Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH	218.059.851.682	295.386.200.881	77.326.349.199

NGHIỆP [A - (E1 + E2)]

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty ngày 31/08/2015

Căn cứ vào Công văn số 57/2015/VIA-CV ngày 16/09/2015 của Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VIA gửi Sở Tài chính tỉnh Nghệ An, Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An và Công ty về điều chỉnh kết quả xác định giá trị doanh nghiệp do áp dụng hệ số giá, cụ thể như sau:

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC ÁP DỤNG HỆ SỐ GIÁ CHƯA CHÍNH XÁC

Stt	Tài sản tại nhà máy Hưng Vĩnh	Năm SX	Hệ số giá đã áp dụng	Hệ số giá đúng	Đã đánh giá		Đánh giá chính xác		Chênh lệch	
					Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
5	Chuyển đổi nhà xưởng và nhà kho	2004	2,9035	2,9598	473.090.381	283.854.229	481.779.327	289.067.596	8.688.946	5.213.367
6	San nền	2004	2,9035	2,9598	2.996.342.872	1.797.805.723	3.051.374.773	1.830.824.864	55.031.901	33.019.141
7	Đường, thoát nước và chiếu sáng	2004	2,9035	2,9598	3.838.890.274	2.303.334.164	3.909.396.701	2.345.638.021	70.506.427	42.303.857
8	Tường rào và cổng vào	2004	2,9035	2,9598	2.714.106.986	1.628.464.192	2.763.955.242	1.658.373.145	49.848.256	29.908.953
9	Sơn các toà nhà	2004	2,9035	2,9598	477.294.537	286.376.722	486.060.698	291.636.419	8.766.161	5.259.697
10	Nhà kho, nhà chứa xe và sân bãi	2004	2,9035	2,9598	2.169.611.696	1.301.767.018	2.209.459.558	1.325.675.735	39.847.862	23.908.717
19	Hệ thống điện chiếu sáng (Phần XD)	2004	2,9035	2,9598	221.179.877	132.707.926	223.770.478	134.262.287	2.590.601	1.554.361
20	Hệ thống cung cấp điện (Phần XD)	2004	2,9035	2,9598	700.378.675	420.227.205	708.581.961	425.149.177	8.203.286	4.921.972
11	Trạm biến áp 2x750kv-35/0,4 KV và cáp ngầm 24KV và 35KV	2004	2,1632	2,3346	2.392.461.169	1.196.230.585	2.572.032.340	1.286.016.170	179.571.171	89.785.585
					15.983.356.467	9.350.767.764	16.406.411.078	9.586.643.413	423.054.611	235.875.649

Điều chỉnh hệ số giá tạo chênh lệch tăng tài sản tại nhà máy Hưng Vĩnh là 235.875.649 đồng. Dẫn đến việc điều chỉnh tăng giá trị Tài sản đang dùng lên 235.875.649 đồng đến giá trị doanh nghiệp đạt 445.744.956.596 đồng, Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tăng 235.875.649 đồng dẫn đến giá trị vốn nhà nước đạt 295.622.076.530.

Chú ý:

Ngoài ra, Tài sản hình thành từ 1/7/2014 đến nay phát sinh thêm tài sản của nhà nước từ Dự án cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh và tài sản hình thành từ việc sáp nhập Trung tâm nước sạch Hưng Nguyên từ tháng 3 năm 2015 với Tổng tài sản là 424,8 tỷ đồng trong đó vốn Nhà nước chiếm 100 tỷ đồng chưa đưa vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2014, chi tiết cụ thể như sau:

- + Tổng tài sản hình thành từ Dự án cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh 388,8 tỷ đồng trong đó vốn đối ứng của nhà nước đầu tư là 64,95 tỷ đồng;
- + Tổng tài sản hình thành từ việc sáp nhập Trung tâm nước sạch Hưng Nguyên tạm tính 36 tỷ, trong đó vốn nhà nước là 100%

Hiện tại Công ty đang trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt quyết toán dự án Cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh để bổ sung giá trị doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành.

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

8.1 Đất đai

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 02/10/2015, Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An đang quản lý và khai thác 24 khu đất với tổng diện tích là **116.049,96 m²**. Trong đó, 16 khu đất chưa có GCNQSDĐ với diện tích là **42,552,46 m²**, 08 khu đất còn lại đã có GCNQSDĐ với tổng diện tích là **73.497,5 m²** bao gồm có 01 khu đất thuộc Khối 14 - Phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được sử dụng làm Khu chung cư (Nhà ở cho CBCNV) với diện tích 691 m².

Căn cứ Quyết định số 790/QĐ-UBND.ĐC ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa. Doanh nghiệp tiếp tục quản lý 24 khu đất với tổng diện tích là **116.049,96 m²**. Trong đó Khu chung cư thuộc Khối 14, Phường Trường Thi với diện tích **691m²** , đất ở lâu dài, sử dụng dưới hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, còn 23 mảnh đất còn lại với tổng diện tích là **115.358,96 m²** là đất thuê trả tiền hàng năm.

Chi tiết cụ thể như sau:

STT	Địa chỉ khu đất	Hồ sơ pháp lý	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Ghi chú
1	Khu chung cư Đường Nguyễn Xi, P.Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An	Quyết định giao đất Số 46/QĐ-UBND.ĐC ngày 5/4/2012 của UBND tỉnh Đã cấp GCN số BP 659804 ngày 30/9/2013	691	Đất ở lâu dài	Khu chung cư cho CBCNV	Giao đất có thu tiền sử dụng đất.	
2	Đất văn phòng công ty Số 32, Phan Đăng Lưu, TP.Vinh, Nghệ An	Quyết định Số 364/QĐ-UBND.ĐC ngày 17/9/2014 Phụ lục Hợp đồng số 246/PLHĐ-TĐ ngày 31/12/2014 giữa UBND tỉnh Nghệ An (do Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện) với Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An. Đã cấp GCN BX 450064 ngày 15/7/2015	2109,4	Thời hạn thuê đất đến 27/09/2053	Xây dựng văn phòng làm việc và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà nước cho Thuê đất trả tiền hàng năm	
3	Nhà máy nước Hưng Vinh Số 115, Đ.Nguyễn Sinh Sắc, Khối 11, P. Cửa Nam, TP.Vinh	Quyết định giao đất Số 331/QĐ-UBND.ĐC ngày 29/8/2013 Hợp đồng số 125/HĐ ngày 11/09/2013 giữa UBND tỉnh Nghệ An (do Sở Tài nguyên môi trường làm đại diện) với Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An. Đã cấp GCN số Số BP 659811 ngày 14/10/2013	9340,9	Thời hạn thuê đất đến 29/08/2053	Xây dựng Văn phòng làm việc, Trạm bơm 2, bể hợp khối, xưởng cơ điện và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà nước cho Thuê đất trả tiền hàng năm	

4	Hồ lắng bùn P.Đông Vĩnh và Cửa Nam, TP.Vinh	<p>Quyết định Số 63/QĐ-UBND.ĐC ngày 25/4/2011</p> <p>Hợp đồng số 87/HĐ-TĐ ngày 10/05/2011 giữa UBND tỉnh Nghệ An (do Sở Tài nguyên môi trường làm đại diện) với Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.</p> <p>Đã cấp GCN số BR 298693 ngày 26/12/2013</p>	4796,3	Thời hạn thuê đất đến 25/04/2046	Xây dựng Hồ lắng bùn và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà nước cho Thuê đất trả tiền hàng năm
5	Trạm bơm nước thô Cầu Đước K12, P.Cửa Nam, TP Vinh, Nghệ An	<p>Quyết định Số 164/QĐ-UBND.ĐC ngày 31/3/2015</p> <p>Hợp đồng số 88/HĐ-TĐ ngày 22/04/2015 giữa UBND tỉnh Nghệ An (do Sở Tài nguyên môi trường làm đại diện) với Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.</p> <p>Đã cấp GCN số BY 969212 ngày 27/05/2015.</p>	774	Thời hạn thuê đất đến 15/10/2043	Xây dựng trạm bơm tăng áp và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà nước cho Thuê đất trả tiền hàng năm
6	Trạm bơm tăng áp Xã Nghi Liên, Tp.Vinh, Nghệ An	<p>Quyết định số 418/QĐ-UBND.ĐC ngày 24/12/2012</p> <p>Hợp đồng số 09/HĐ-TĐ ngày 9/1/2013 giữa UBND tỉnh Nghệ An (do Sở Tài nguyên môi trường làm đại diện) với Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.</p> <p>Đã cấp GCN Số BM 753241 ngày 15/1/2013</p>	5000	Thời hạn thuê đất đến 24/12/2062	Xây dựng Trạm bơm tăng áp và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà nước cho Thuê đất trả tiền hàng năm
7	Trạm xử lý nước Cầu Bạch	<p>Quyết định số 417/QĐ-UBND.ĐC ngày 24/12/2012</p>	44998,9	Thời hạn thuê đất đến	Xây dựng Văn phòng làm việc, nhà máy sản xuất và	Nhà nước cho Thuê đất trả tiền

	Xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, Nghệ An	Hợp đồng số 06/HĐ-TĐ ngày 9/1/2013 giữa UBND tỉnh Nghệ An (do Sở Tài nguyên môi trường làm đại diện) với Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An. Đã cấp GCN số BM 753242 ngày 15/1/2013		29/06/2050	các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch	hàng năm	
8	Trạm cấp nước Thanh Chương, Huyện Thanh Chương, Nghệ An	Quyết định số 285/QĐUB ngày 3/4/2000 Hợp đồng Số 124/HĐ-TĐ ngày 31/8/2010 giữa UBND tỉnh Nghệ An (do Sở Tài nguyên môi trường làm đại diện) với Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An. Đã cấp GCN số BA 845206 ngày 31/8/2010	5787	Thời hạn thuê đất đến 29/06/2050	Xây dựng Văn phòng làm việc, nhà máy sản xuất và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà nước cho Thuê đất trả tiền hàng năm	
9	Khu tập thể CBCNV Khối 14, P.Trường Thi, TP Vinh, Nghệ An	Quyết định số 380/QĐ-UBND.ĐC ngày 27/9/2013 Hợp đồng Số 154/HĐ-TĐ ngày 22/10/2013 giữa UBND tỉnh Nghệ An (do Sở Tài nguyên môi trường làm đại diện) với Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An. Vị trí khu đất được xác định theo Trích lục thửa đất (Đo, chỉnh lý bổ sung) được VPDKQSDĐ Nghệ An xác nhận ngày 31/07/2008	1734,4	Thuê đất 40 năm	Văn phòng làm việc của Xí nghiệp cấp nước thành phố Vinh	Nhà nước cho Thuê đất trả tiền hàng năm	
10	Trung tâm Dịch vụ khách hàng	Quyết định số 673/QĐ-UBND.ĐC ngày 01/10/2015 của UBND tỉnh.	279,1	Thời hạn thuê đất đến	Xây dựng văn phòng làm việc Chi nhánh dịch vụ	Nhà nước cho Thuê đất trả tiền	

	Số 46 Phan Đăng Lưu, TP Vinh, Nghệ An	Vị trí khu đất được xác định theo Trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính thửa đất số 145/2015/BĐ.ĐC do Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 26/06/2015.		01/10/2065	1,4,5.	hàng năm	
11	Nhà máy nước Hưng Vĩnh Khối Vĩnh Lâm, P. Đông Vĩnh, TP Vinh, Nghệ An	Quyết định số 477/QĐ-UBND.ĐC ngày 13/7/2015 của UBND tỉnh. Hợp đồng số 154/HĐ-TĐ ngày 25/08/2015 giữa UBND tỉnh Nghệ An (do Sở Tài nguyên môi trường làm đại diện) với Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.	9861,3	Thời hạn thuê đất đến 13/7/2065	Xây dựng Trạm bơm 2, nhà hóa chất, bể phân chia lưu lượng, bể phản ứng và bể lắng ngang, bể lọc nhanh, bể chứa nước và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung ứng nước sạch.	Nhà nước cho Thuê đất trả tiền hàng năm	
12	Trạm bơm nước thô Cầu Mượu Xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, Nghệ An	Quyết định số 675/QĐ-UBND.ĐC ngày 01/10/2015 của UBND tỉnh. Vị trí khu đất được xác định theo Trích do địa chính thửa đất số 35/2013/BĐ.ĐC do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 06/11/2013.	2907,7	Thời hạn thuê đất đến 01/10/2065	Xây dựng Trạm bơm và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung ứng nước sạch.	Nhà nước cho Thuê đất trả tiền hàng năm	
13	Trạm cấp nước Hưng Hòa Xóm Khánh Hậu, xã Hưng Hòa, TP Vinh, Nghệ An	Quyết định số 749/QĐ-UBND.ĐC ngày 22/10/2015 của UBND tỉnh. Vị trí khu đất được xác định theo Trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính thửa đất số 972/BĐ.ĐC được Sở Tài nguyên và Môi	4000	Thời hạn thuê đất đến 22/10/2065	Xây dựng Văn phòng làm việc, trạm bơm, bể chứa nước sạch và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung ứng nước sạch.	Nhà nước cho Thuê đất trả tiền hàng năm	

		trường phê duyệt ngày 09/07/2008					
14	Trạm cấp nước Đô Lương Xã Đông Sơn, Huyện Đô Lương, Nghệ An	Quyết định số 758/QĐ-UBND.ĐC ngày 22/10/2015 của UBND tỉnh. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo “Trích lục và đo vẽ bổ sung BĐĐC thửa đất” số 451/2015/BĐĐC/VPĐK được UBND huyện Đô Lương xác nhận ngày 13/08/2015	4333,3	Thời hạn thuê đất đến 22/10/2065	Xây dựng Văn phòng làm việc, nhà máy sản xuất, bể hợp khối, bể chứa cũ, bể chứa mới, nhà trạm bơm cấp 2, trạm biến thế, nhà hóa chất và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch.	Chuyển từ hình thức giao đất sang thuê đất trả tiền hàng năm	
15	Trạm cấp nước Anh Sơn (Thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An)	Quyết định số 656/QĐUB ngày 22/09/2015 của UBND tỉnh Nghệ An. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo “Trích lục bản đồ địa chính thửa đất (đo, chỉnh lý bổ sung) số 09/2013/BĐ.ĐC” được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 25/02/2013	744,9	Thời hạn thuê đất đến 22/9/2065	Xây dựng Văn phòng làm việc, nhà máy sản xuất và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch.	Nhà nước cho Thuê đất trả tiền hàng năm	
16	Trạm cấp nước Tân Kỳ Xã Kỳ Tân, Huyện Tân Kỳ, Nghệ An	Quyết định số 655/QĐUB ngày 22/09/2015 của UBND tỉnh Nghệ An Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo “Trích lục bản đồ địa chính thửa đất (đo, chỉnh lý bổ sung) được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 25/02/2013	1929,5	Thời hạn thuê đất đến 22/9/2065	Xây dựng Văn phòng làm việc, nhà máy sản xuất và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch.	Nhà nước cho Thuê đất trả tiền hàng năm	

17	Trạm cấp nước Quỳ Châu Khối 2, TT Tân Lạc, Huyện Quỳ Châu, Nghệ An	Quyết định số 838/QĐUB ngày 17/11/2015 của UBND tỉnh Nghệ An Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính do văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quỳ Châu xác nhận ngày 20/08/2015	684,1	Thời hạn thuê đất đến 17/11/2065	Xây dựng Văn phòng làm việc, nhà máy sản xuất và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch.	Chuyển từ hình thức giao đất sang thuê đất trả tiền hàng năm
18	Trạm cấp nước Con Cuông Khối 4, TT Con Cuông, H Con Cuông, Nghệ An	Quyết định số 280/QĐUB ngày 03/04/2000 của UBND tỉnh Nghệ An	2736,36	Hiện nay đag tiến hành làm lại Trích lục bản đồ địa chính thửa đất (đo, chỉnh lý bổ sung)	Xây dựng Văn phòng làm việc, nhà máy sản xuất và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch.	Chuyển từ hình thức giao đất sang thuê đất trả tiền hàng năm
19	Trạm cấp nước Quỳ Hợp Huyện Quỳ Hợp, Nghệ An	Quyết định số 282/QĐUB ngày 03/4/2000 của UBND tỉnh Nghệ An	2616,5	Hiện nay đag tiến hành làm lại Trích lục bản đồ địa chính thửa đất (đo, chỉnh lý bổ sung)	Xây dựng Văn phòng làm việc, nhà máy sản xuất và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch.	Chuyển từ hình thức giao đất sang thuê đất trả tiền hàng năm

20	Trạm cấp nước thị trấn Kỳ Sơn (Thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An)	Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích đo địa chính do Văn phòng ĐKQSDĐ tỉnh Nghệ An xác nhận ngày 10/10/2008	3130,5	Hiện nay đang tiến hành làm lại Trích lục bản đồ địa chính thửa đất (đo, chỉnh lý bổ sung)	Xây dựng Văn phòng làm việc, nhà máy sản xuất và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	
21	Trạm cấp nước Trương Dương (Huyện Trương Dương, tỉnh Nghệ An)	Quyết định số 795/QĐUB ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trương Dương xác lập ngày 7/9/2015	4087,1	Thời hạn thuê đất đến 30/10/2065	Xây dựng Văn phòng làm việc, nhà máy sản xuất và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	
22	Trạm cấp nước Nam Đàn (Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An)	Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Nam Đàn trích lập ngày 15/12/2010	2.367	Hiện nay đang tiến hành làm lại Trích lục bản đồ địa chính thửa đất (đo, chỉnh lý bổ sung)	Xây dựng Văn phòng làm việc, Trạm bơm, bể chứa nước và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	

23	Trạm cấp nước Quang Trung (Trạm bơm khu A, khu B, khu C Phường Quang Trung, Tp.Vinh)	Hiện nay trên khu đất đơn vị đã xây dựng Trạm bơm cấp nước khu cao tầng Quang Trung và các công trình phụ trợ khác phục vụ sản xuất và cung cấp nước sạch. Công ty đã gửi Tờ trình số 561/TTr-CTCN-TC ngày 29/8/2015 đến UBND Phường Quang Trung xin xác minh nguồn gốc đất phục vụ làm hồ sơ lập Trích đo và vẽ bổ sung BĐDC khu đất.	444	Lâu dài	Xây dựng Trạm bơm cấp nước cho khu nhà cao tầng Quang Trung	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
24	Bể nước tròn (Phường Trường Thi, Tp. Vinh)	Công ty đã gửi Tờ trình số 562/TTr-CTCN-TC ngày 29/8/2015 đến UBND Phường Trường Thi xin xác minh nguồn gốc đất phục vụ làm hồ sơ lập Trích đo và vẽ bổ sung BĐDC khu đất.	696,7	Lâu dài	Hiện nay Công ty đang có phương án xây dựng trạm bơm tăng áp Phường Trường Thi và kho để vật tư.	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
Tổng cộng			116.049,96			

Nguồn: Quyết định về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty

8.2 Tài sản cố định của doanh nghiệp

Tình hình tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/06/2014 thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Thực trạng về tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại tại 30/06/2014	Tính đến thời điểm 31/12/2014
1	Tài sản cố định hữu hình	359.008.459.546	110.941.848.489	248.066.611.057	593.727.343.489
a	Nhà cửa, vật kiến trúc	32.507.055.876	12.852.182.686	19.654.873.190	19.043.199.905
b	Máy móc thiết bị	23.459.490.751	12.722.118.551	10.737.372.200	10.730.517.198
c	Phương tiện vận tải	31.157.068.741	12.187.501.739	18.969.567.002	20.911.824.344
d	Thiết bị, dụng cụ quản lý	188.015.910	100.669.798	87.346.112	347.958.907
e	Tài sản cố định khác	230.257.921.043	73.079.375.715	157.178.545.328	501.254.935.910
f	Tài sản nhận bàn giao bổ sung từ các huyện (*)	41.438.907.225	-	41.438.907.225	41.438.907.225
2	Tài sản cố định vô hình	52.000.000	52.000.000	-	50.000.000
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			13.558.290.489	13.843.294.438
	Tài sản cố định	359.060.459.546	110.993.848.489	261.624.901.546	607.611.637.927

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, Báo cáo tài chính Công ty năm 2014

(*) Theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014, phần Tài sản Công ty nhận bàn giao bổ sung với giá trị tạm tính là: huyện Nam Đàn 26.867.072.000 đồng, huyện Kỳ Sơn 8.655.812.000 đồng và huyện Tương Dương 5.907.023.225 đồng.

Do hoạt động chính trong lĩnh vực cung ứng nước sạch, nên Tài sản của doanh nghiệp chủ yếu là Tài sản cố định, rất đa dạng với giá trị lớn, đạt 607,61 tỷ tại thời điểm 31/12/2014. Máy móc thiết bị của doanh nghiệp chủ yếu là thiết bị điện, điều khiển và phụ trợ bơm,

máy bơm các loại... giá trị còn lại đạt 10,73 tỷ đồng.

9 Danh sách những công ty mẹ và công ty con: Không có

10. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp 3 năm trước khi cổ phần hóa

10.1. Tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

a. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ trong giai đoạn 2012 – 2014

**Bảng cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty
giai đoạn 2012 - 2014**

STT	Nhóm dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)
1	DT tiền nước	84.260.992	82,22	94.743.777	84,60	118.068.519	80,47
2	DT lắp đặt công trình	18.227.084	17,78	17.250.718	15,40	28.658.354	19,53
I	Tổng doanh thu	102.488.075	100,00	111.994.495	100,00	146.726.874	100,00

Nguồn: BCTC Công ty năm 2012, BCTC 2013 đã điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán nhà nước và BCTC đã kiểm toán năm 2014

Trong giai đoạn 2012 - 2014, doanh thu của Công ty đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch và lắp đặt công trình. Xét về tổng thể, doanh thu của Công ty ổn định và tăng trưởng hàng năm, tăng từ 102,49 tỷ năm 2012 lên thành 111,99 tỷ năm 2013 và 146,73 tỷ năm 2014. Tính chung trong giai đoạn này, doanh thu của Công ty đã tăng thêm 44,24 tỷ tương đương mức tăng 43,16% so với năm 2012.

Nguồn thu chủ yếu của Công ty đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch cung cấp cho các đối tượng sử dụng là người dân, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ. Cũng chính vì thế, trong cơ cấu doanh thu của Công ty, doanh thu tiền nước lớn hơn nhiều so với doanh thu từ hoạt động lắp đặt công trình và đạt giá trị lần lượt là 84,26 tỷ năm 2012; 94,74 tỷ năm 2013 và 118,07 tỷ năm 2014 tương đương với tỷ trọng lần lượt đạt 82,22% năm 2012, 84,6% năm 2013 và 80,47% trên tổng doanh thu năm 2014.

**Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty
so với doanh thu thuần trong giai đoạn 2012 – 2014**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần	102.407.362	100,00	111.974.003	100,00	146.086.117	100,00
2	Lợi nhuận từ tiền nước	22.084.648	21,56	23.096.171	20,63	29.999.435	20,54
3	Lợi nhuận lắp đặt công trình	1.818.779	1,78	2.600.365	2,32	1.588.150	1,09

Nguồn: BCTC Công ty năm 2012, BCTC 2013 đã điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán nhà nước và BCTC đã kiểm toán năm 2014

Lợi nhuận gộp của Công ty tăng mạnh qua từng năm, từ 23,9 tỷ năm 2012 lên 25,69 tỷ năm 2013 và 31,59 tỷ năm 2014. Do hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch nên nguồn lợi nhuận chủ yếu của Công ty cũng đến từ mảng này. Lợi nhuận từ tiền nước lần lượt tăng mạnh từ 22,08 tỷ năm 2012 lên 29,99 tỷ năm 2014, tăng 7,91 tỷ. Xét về tỷ trọng so với doanh thu thuần, lợi nhuận từ tiền nước có xu hướng giảm nhẹ từ 21,56% năm 2012 xuống còn 20,63% năm 2013 và 20,54% năm 2014. Mảng kinh doanh lắp đặt công trình chiếm tỷ trọng nhỏ (chỉ từ 5 -10% trên lợi nhuận gộp), có sự tăng nhẹ từ 1,81 tỷ năm 2012 lên 2,6 tỷ năm 2013, nhưng xét về tổng thể trong giai đoạn 2012 – 2014, lợi nhuận đến từ hoạt động xây lắp công trình có giảm 230 triệu.

b. Nguyên vật liệu

Công ty là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh mang tính phục vụ, do vậy nguyên vật liệu của Công ty bao gồm cả 2 lĩnh vực. Đối với hoạt động sản xuất nước sạch, nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty như là nước tự nhiên (nước thô), điện, hóa chất... Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ như xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, xây dựng các công trình dân dụng, nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty như là, đường ống, các phụ kiện, xi măng, sắt thép, đá xây dựng,...

Do nguyên liệu chính của hoạt động sản xuất nước sạch là nguồn nước thô tự nhiên được khai thác từ các sông, hồ nên nhìn chung nguồn này tương đối ổn định.

Bên cạnh đó, mảng hoạt động lắp đặt công trình sẽ chịu ảnh hưởng lớn bởi giá nguyên vật liệu đầu vào: đường ống, phụ kiện... Giá cả đầu vào tăng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, đây là mảng hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng rất nhỏ so

với tổng thể, hơn nữa, các nguồn nguyên vật liệu đầu vào mang tính phổ thông nên nguồn đầu cung cấp phục vụ cho hoạt động lắp đặt công trình cũng tương đối ổn định

c. Chi phí sản xuất:

Bảng cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty giai đoạn 2012 - 2014

Stt	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị (nghìn đồng)	% so với tổng chi phí	Giá trị (nghìn đồng)	% so với tổng chi phí	Giá trị (nghìn đồng)	% so với tổng chi phí
1	Giá vốn hàng bán	78.503.936	77,74	86.277.466	78,02	114.498.532	79,79
2	Chi phí bán hàng	5.297.257	5,25	5.629.519	5,09	5.844.729	4,07
3	Chi phí QLDN	10.135.527	10,04	11.871.580	10,74	11.438.657	7,97
4	Chi phí tài chính	7.041.809	6,97	6.799.829	6,15	11.709.832	8,17
	Tổng chi phí	100.978.529	100,00	110.578.394	100,00	143.491.750	100,00

Nguồn: BCTC Công ty năm 2012, BCTC 2013 đã điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán nhà nước và BCTC kiểm toán năm 2014

Trong giai đoạn 2012 - 2014, tổng chi phí của Công ty tăng từ 100,98 tỷ lên 143,50 tỷ năm 2014, tương ứng với mức tăng lên 42,1%. Xét về cơ cấu giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí, lần lượt chiếm 77,74% năm 2012; 78,02% năm 2013 và 79,79% năm 2014 và đang có xu hướng tăng từ 78,5 tỷ năm 2012 lên 114,50 tỷ năm 2014.

Ngoài ra, ba khoản chi phí còn lại bao gồm: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính chiếm tỷ trọng nhỏ hơn nhiều so với giá vốn hàng bán, chỉ chiếm từ 5 – 10% so với tổng chi phí. Trong đó, tỷ trọng chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp có xu hướng giảm dần qua từng năm. Riêng chi phí tài chính tăng từ 7,04 tỷ năm 2012 lên 11,71 tỷ năm 2014, lần lượt chiếm tỷ trọng từ 6,97% lên 8,17% trên tổng chi phí. Nguyên nhân khiến chi phí tài chính tăng phát sinh từ khoản vay ODA và vay dự án phụ cận Vinh.

Dưới đây là bảng tổng hợp cơ cấu giá vốn hàng bán tại Công ty giai đoạn 2012 – 2014:

Bảng cơ cấu GVHB so với Tổng chi phí của Công ty giai đoạn 2012 - 2014

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nhóm dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Giá vốn tiền nước	62.095.631	61,49	71.647.606	64,79	87.428.328	60,93
2	Giá vốn lắp đặt công trình	16.408.305	16,25	14.629.860	13,23	27.070.204	18,86
4	Tổng chi phí	100.978.529	100,00	110.578.394	100,00	143.491.750	100,00

Nguồn: BCTC của Công ty năm 2012, BCTC 2013 đã điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán nhà nước và BCTC đã kiểm toán năm 2014

Trong giai đoạn 2012 – 2014, tương tự doanh thu, giá vốn của Công ty đến từ hai hoạt động chính là sản xuất, cung ứng nước sạch và lắp đặt công trình. Giá vốn hàng bán của Công ty tăng qua từng năm, từ 78,5 tỷ năm 2012 lên 86,27 tỷ năm 2013 và 114,50 tỷ năm 2014.

Xét về cơ cấu giá vốn từng hoạt động của Công ty so với tổng chi phí của Công ty, giá vốn tiền nước của doanh nghiệp có ổn định và chiếm tỷ trọng lớn so với lắp đặt công trình. Cụ thể, giá vốn tiền nước lần lượt đạt 62,09 tỷ năm 2012; 71,65 tỷ năm 2013 và 87,43 tỷ năm 2014 tương ứng 61,49%; 64,79% và 60,93% trên tổng chi phí. Bên cạnh đó, giá vốn lắp đặt công trình cũng tăng từ 16,41 tỷ năm 2012 lên 27,07 tỷ năm 2014, tương ứng với tỷ trọng lần lượt 16,25% và 18,86% trên tổng chi phí của doanh nghiệp.

d. Trình độ công nghệ

Để phục vụ cho quá trình sản xuất được liên tục, Công ty đã tiến hành đầu tư máy, thiết bị, dây chuyền công nghệ xử lý tiên tiến, phương tiện vận tải, truyền dẫn và các điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp nhu cầu hoạt động, điều này đã góp phần không nhỏ làm tăng năng suất, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Tính đến thời điểm hiện tại, công nghệ xử lý nước tại các Nhà máy và trạm chủ yếu đang sử dụng các công nghệ truyền thống, riêng nhà máy nước Cầu Bạch áp dụng công nghệ mới trong xử lý (bể lắng Lamella).

Ngoài ra, Công ty tiến hành quản lý mạng lưới cấp nước bằng hệ thống SCADA thông qua các thiết bị sau:

- Thiết bị chấp hành: Đồng hồ đo lưu lượng điện từ, cơ khí

- Thiết bị giám sát: Dataloger của Công ty cấp nước Hải Dương
 - Phương thức truyền dữ liệu: sử dụng GPRS
 - Cảm biến: Sensor đo áp lực max 7bar
 - Giao tiếp với thiết bị: Qua máy tính chủ trung tâm, có kết nối với mạng internet.
- Cài đặt phần mềm của Công ty cấp nước Hải Dương.

Công nghệ xử lý nước tinh lọc tại nhà máy Hưng Vĩnh hay công nghệ đo chất lượng nước online tại phòng Hóa nghiệm, nhà máy nước Hưng Vĩnh đang được công ty áp dụng.

Công nghệ quản lý tài chính (Bravo), văn phòng, nhân sự ... đã có phần mềm chuyên dụng. Đồng thời, Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin vào phần mềm lập dự toán đầu nối, quản lý và kiểm tra khách hàng.

đ. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Nhận thức được tầm quan trọng của chất lượng nguồn nước đối với đời sống sinh hoạt của nhân dân trong toàn tỉnh cũng như những ngành sản xuất khác, Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An đã đổi mới đồng bộ, giảm tỷ lệ thất thoát xuống mức thấp nhất, chất lượng nước không ngừng được nâng cao.

Để đảm bảo chất lượng dịch vụ, Công ty đã thành lập Tổ quản lý mạng thực hiện dò tìm rò rỉ mạng lưới cấp nước với các thiết bị hiện đại. Đồng thời, Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nước đầu nguồn, nước sau khi sản xuất tại nhà máy, tại hộ tiêu dùng.

đ. Hoạt động marketing

Do đặc thù sản phẩm và mục tiêu sản xuất kinh doanh, hoạt động Marketing của Công ty không được chú trọng và đẩy mạnh. Về cơ bản, Công ty không có bộ phận chuyên triển khai marketing. Công ty không chủ trương đẩy mạnh hoạt động này do đó Công ty chỉ giới thiệu sản phẩm dưới hình thức tiếp thị trực tiếp.

Tuy nhiên, hiện nay Công ty cũng đã bắt đầu quan tâm hơn đến việc đa dạng hóa thị trường tiêu thụ thông qua phát triển hoạt động marketing, bao gồm:

- Nghiên cứu phương thức bán hàng, cung cấp dịch vụ.
- Phân chia đối tượng khách hàng theo mục đích sử dụng để dễ dàng phục vụ và nghiên cứu sản phẩm tương ứng.

e. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:

Công ty có nhãn hiệu thương mại riêng mang tên Cấp nước Nghệ An NAWASCO:



Ngoài ra, Công ty đã có sản phẩm riêng mang tên nước uống tinh khiết Lam Giang.

g. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Công ty với ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính là cung cấp nước sạch cho sinh hoạt, dịch vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh Nghệ An và khu vực lân cận, các hợp đồng cung cấp nước sạch cho một số khách hàng lớn:

Stt	Tên hợp đồng	Đối tác trong hợp đồng	Trị giá	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Công Ty Cổ Phần Bao Bì SABECO Sông Lam	Theo nhu cầu sử dụng nước hàng tháng	Dài hạn
2	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh	Theo nhu cầu sử dụng nước hàng tháng	Dài hạn
3	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Đại học Vinh	Theo nhu cầu sử dụng nước hàng tháng	Dài hạn
4	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Công ty TNHH Matrix Vinh	Theo nhu cầu sử dụng nước hàng tháng	Dài hạn
5	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Bộ tư lệnh QK4	Theo nhu cầu sử dụng nước hàng tháng	Dài hạn
6	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Công ty cổ phần Sài Gòn – Kim Liên	Theo nhu cầu sử dụng nước hàng tháng	Dài hạn
7	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ	CN Khách Sạn Mừng Thanh Sông	Theo nhu cầu sử dụng nước hàng tháng	Dài hạn

	nước máy	Lam-Doanh nghiệp TN Xây Dựng Số 1 tỉnh Điện Biên		
8	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Công ty cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	Theo nhu cầu sử dụng nước hàng tháng	Dài hạn
9	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Hợp tác xã Nông Nghiệp Hưng Thịnh	Theo nhu cầu sử dụng nước hàng tháng	Dài hạn
10	Hợp đồng cung cấp tiêu thụ nước máy	Bệnh viện Hữu Nghị Đa Khoa Nghệ An	Theo nhu cầu sử dụng nước hàng tháng	Dài hạn

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

Các đối tác hiện tại của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An đều có thương hiệu, tên tuổi lớn trên thị trường. Trong số đó phải kể đến CN Khách sạn Khách sạn Mường Thanh Sông Lam trực thuộc Tập đoàn khách sạn Mường Thanh là chủ sở hữu chuỗi khách sạn tư nhân lớn nhất Việt Nam hiện nay với một hệ thống gồm 30 khách sạn và dự án khách sạn đạt tiêu chuẩn 3,4 và 5 sao trải dài trên cả nước. Việc duy trì đối tác cũ và phát triển thêm các đối tác mới giúp thị trường đầu ra của công ty ngày càng thêm sôi động, giúp công ty từng bước duy trì lợi nhuận ổn định và tăng trưởng qua từng năm, góp phần củng cố thêm vị thế của công ty trong thị trường cung cấp nước sạch.

10.2 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa.

Kết quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2012 – 2014

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1. Tổng giá trị tài sản	Nghìn đồng	332.518.947	321.234.046	692.843.323
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	Nghìn đồng	182.870.008	185.521.944	252.544.807
3. Nợ vay ngắn hạn	Nghìn đồng	-	-	17.659.749
Trong đó, nợ quá hạn	Nghìn đồng	-	-	-

4. Nợ vay dài hạn	Nghìn đồng	117.589.678	112.610.599	384.952.641
Trong đó, nợ quá hạn	Nghìn đồng	-	-	-
5. Nợ phải thu khó đòi	Nghìn đồng	-	-	-
6. Tổng số lao động (*)	Người	450	520	666
7. Tổng quỹ lương	Nghìn đồng	2.048.850.000	2.607.800.000	3.742.920.000
8. Thu nhập bình quân	Nghìn đồng	4.553.000	5.015.000	5.620.000
9. Tổng doanh thu	Nghìn đồng	106.026.364	113.906.673	147.953.428
10. Tổng chi phí	Nghìn đồng	100.978.529	110.578.394	143.491.750
11. Lợi nhuận thực hiện	Nghìn đồng	5.798.926	3.944.904	4.854.024
12. Lợi nhuận sau thuế	Nghìn đồng	4.349.194	2.902.408	3.776.489
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế vốn nhà nước	%	2,38	1,56	1,50

Nguồn: BCTC Công ty năm 2012, BCTC 2013 đã điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán nhà nước và BCTC kiểm toán năm 2014

10.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bước vào năm 2015, kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi. Đây là năm cuối thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015, là năm diễn ra đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020, hướng tới đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII với khí thế quyết tâm phấn đấu, thi đua sôi nổi. Tuy nhiên, bên cạnh điều kiện thuận lợi, có không ít khó khăn, thách thức: thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng kéo dài gây hạn hán trên diện rộng, mực nước các hồ đập, sông suối xuống thấp; hoạt động của doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn; giá cả một số mặt hàng thiết yếu ... tăng ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

a) Thuận lợi:

- Công ty được sự quan tâm, tạo điều kiện của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, các Sở, Ban ngành và chính quyền các địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hoạt động của Công ty.

- Tập thể CBCNV luôn đoàn kết nhất trí, gắn bó với nghề nghiệp, có kinh nghiệm trong công tác, được trải nghiệm qua thực tế nhiều năm.

- Công ty là doanh nghiệp vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vừa là nhà cung cấp trực tiếp sản phẩm nước sạch. Do năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của Ban lãnh đạo Công ty tốt nên các hoạt động của Công ty ngày càng được cải thiện nâng cao và ngày càng nhận được sự ủng hộ, quan tâm của các khách hàng khi sử dụng dịch vụ.

- Đối với công tác sản xuất: Các hệ thống cấp nước của công ty hoạt động ổn định, đảm bảo đủ công suất sản xuất nước; UBND tỉnh đã ban hành giá nước mới với đối tượng sử dụng nước sinh hoạt áp dụng hộ gia đình được linh hoạt, ý thức chấp hành hợp đồng sử dụng nước của khách hàng tương đối tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý của Công ty.

- Công tác cải tạo mạng giảm thất thoát: Dự án cải tạo mạng giảm thất thoát nước thành phố Vinh - giai đoạn 1 đã được triển khai, dự kiến cuối năm 2019 hoàn thành đảm bảo cung cấp nước an toàn, hiệu quả đến khách hàng; tỷ lệ thất thoát nước giảm; hệ thống mạng được áp dụng các công nghệ tiên tiến vào quản lý vận hành. Dự án triển khai đúng trình tự và đạt yêu cầu của ADB.

- Nguồn cấp nước cho các nhà máy xử lý nước Cầu Bạch và Hưng Vĩnh đã có sự đầu tư tuyến ống nước thô lấy nước trực tiếp từ Sông Lam của Nhà đầu tư Công ty cấp nước Sông Lam, do vậy đảm bảo cung cấp đủ khối lượng và chất lượng nên Công ty chủ động điều tiết nguồn cấp nước, thuận lợi trong sản xuất kinh doanh.

- Nền kinh tế của đất nước ngày càng hội nhập và phát triển thì vấn đề về nước sạch sẽ ngày càng được Nhà nước quan tâm, sự hỗ trợ của các nước phát triển, các Tổ chức trong và ngoài nước. Chính vì vậy cơ hội phát triển ngành của Công ty rất lớn.

- Dự án cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh đã đưa vào khai thác và phục vụ; hoạt động hiệu quả với sản lượng cấp nước đạt đến 80% công suất nhà máy.

- Đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý: Phần mềm quản lý khách hàng, lắp đặt và sửa chữa ... giúp cho việc quản trị doanh nghiệp đạt hiệu quả.

b) Khó khăn, thách thức:

- Địa bàn phục vụ và quản lý trải rộng khắp trên toàn tỉnh, các trạm cấp nước ở các huyện cách quá xa Công ty, có nhiều huyện miền núi còn khó khăn về kinh tế như Kỳ Sơn, Tương Dương ...

- Nguồn ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, chưa được đầu tư thỏa đáng trong việc xây dựng hệ thống cấp nước. Hệ thống cơ sở hạ tầng vẫn còn yếu kém và thiếu đồng bộ, tỷ lệ nước cung cấp cho công nghiệp dịch vụ còn ít dẫn đến nguồn thu từ kinh doanh nước sạch tăng chậm không đủ nguồn để đẩy nhanh công việc cải tạo nâng cấp các hệ thống cấp nước nhằm mở rộng phạm vi cấp nước để nâng cao tỷ lệ cấp nước đô thị;

- Nguồn cấp nước tại các huyện Miền Tây không ổn định theo mùa, mùa đông thừa nước và mùa hè thiếu nước, mưa lũ thường xuyên làm ảnh hưởng đến các công trình thu nước đầu nguồn (Trạm Quỳnh Hợp, Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông...).

- Ý thức về quản lý bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước của người dân còn nhiều hạn chế.

- Hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước tuy đã được cải tạo qua nhiều giai đoạn song vẫn chưa đồng bộ và còn một số khu vực chưa phù hợp là những yếu tố khó khăn trong việc vận hành mạng lưới cấp nước.

- Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch vừa mang tính kinh doanh, vừa mang tính phục vụ để đảm bảo ổn định đời sống nhân dân trong Tỉnh; giá tiêu thụ nước sạch theo quy định hiện hành do UBND tỉnh Nghệ An quyết định, nên Công ty khó chủ động về giá bán đầu ra của sản phẩm. Đặc biệt, khi một số yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh tăng cao như giá nguyên nhiên vật liệu, điện, hóa chất, tiền lương, tăng TSCĐ. Việc định giá nước máy còn mang tính bao cấp chưa phản ánh một cách đầy đủ các khoản mục chi phí, khi chi phí tăng cao.

- Sự phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ tại địa phương trong thời điểm hiện tại tăng không đáng kể, tỷ trọng nước máy phục vụ sinh hoạt chiếm rất lớn 70 – 75%; Nước máy phục vụ sản xuất và kinh doanh dịch vụ nhỏ hơn 10 – 13% nên giá bán bình quân thấp hơn giá thành sản xuất.

11. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

11.1 Vị thế của công ty trong ngành

Ngành cấp thoát nước tại Việt Nam có sự phân chia về địa bàn hoạt động rõ rệt, do đó doanh nghiệp thuộc địa phương nào sẽ là nhà cung cấp chính cho địa phương đó. Việc này cũng liên quan đến nguồn nước, giá thành vận chuyển, đặc thù dân cư sinh sống. Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An là đơn vị chủ yếu hoạt động ở địa bàn tỉnh Nghệ An và là đơn vị chiếm thị phần chủ yếu tại đây.

Cùng với sự phát triển chung về kinh tế, xã hội tỉnh Nghệ An đối với những lợi thế kinh doanh sẵn có, Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An tiếp tục vững vàng là một trong những đơn vị dẫn đầu ngành cấp thoát nước tại Nghệ An và có thể vươn xa hơn một số địa phương lân cận.

Công ty hiện đang hoạt động kinh doanh trong ngành cấp nước, địa bàn hoạt động của Công ty có lượng khách hàng lớn và ổn định. Ngoài ra, Tỉnh Nghệ An trong những năm gần đây đã thu hút được nhiều nhà đầu tư với nhiều dự án lớn đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, khu đô thị, dịch vụ ... tập trung nhất là tại thành phố Vinh do đó nhu cầu cấp nước ngày càng tăng mạnh gồm: Tổ hợp Khu công nghiệp - Đô thị và dịch vụ Nghệ An của Tổng Công ty BECAMEX (Bình Dương); Nhà máy sản xuất tôn Hoa Sen của Tập đoàn Hoa Sen; Tổ hợp sản xuất thực phẩm của Tập đoàn Masan; Dự án mở rộng nhà máy Bia Hà Nội - Nghệ An lên 100 triệu lít/năm; Dự án mở rộng Bệnh viện Đa khoa Tỉnh (giai đoạn 2); Dự án Nhà máy sản xuất thực phẩm của nhà đầu tư Thái Lan; Dự án Khu

liên hợp công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP tại Nghệ An (Tổ hợp VSIP 7) do Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore tại làm chủ đầu tư Nghệ An... cần tiêu thụ khối lượng lớn nước sạch.

11.2 Triển vọng phát triển ngành

Tỉnh Nghệ An đã thu hút được nhiều dự án lớn đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, khu đô thị, dịch vụ ... tập trung nhất là tại thành phố Vinh do đó nhu cầu cấp nước ngày càng tăng mạnh gồm: Tổ hợp Khu công nghiệp - Đô thị và dịch vụ Nghệ An của Tổng Công ty BECAMEX (Bình Dương); Nhà máy sản xuất tôn Hoa Sen của Tập đoàn Hoa Sen; Tổ hợp sản xuất thực phẩm của Tập đoàn Masan; Dự án mở rộng nhà máy Bia Hà Nội - Nghệ An lên 100 triệu lít/năm; Dự án mở rộng Bệnh viện Đa khoa Tỉnh (giai đoạn 2); Dự án Nhà máy sản xuất thực phẩm của nhà đầu tư Thái Lan; Dự án Khu liên hợp công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP tại Nghệ An (Tổ hợp VSIP 7) do Công ty Liên doanh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore tại làm chủ đầu tư Nghệ An.... Bên cạnh đó, đời sống nhân dân sống tập trung tại các đô thị đã có những cải thiện rõ rệt, đòi hỏi nhu cầu cấp nước ngày càng tăng lên, tuy nhiên Hệ thống cấp nước hiện nay cho các đô thị này lại khá hạn chế do chưa được đầu tư hoặc chưa có mạng đường ống truyền tải và phân phối nước bao phủ đến khu vực dân cư và khu đô thị.

Tính đến tháng 12/2014 tỷ lệ cấp nước toàn thành phố Vinh chỉ mới đạt khoảng 84%, khu vực nội thành là 95%, khu vực ngoại thành một số xã chưa có hệ thống cấp nước do sự phát triển và mở rộng về quy mô và không gian đô thị. Hiện tại, trong số 6 xã mới sáp nhập vào thành phố Vinh năm 2010 mới chỉ có 4 xã là: Hưng Hòa (tỷ lệ cấp nước 92%), xã Nghi Kim (khoảng 96,1%), Nghi Liên (50%), Hưng Chính 30%. Hai xã còn lại là Nghi Ân, Nghi Đức chưa có nước sạch vẫn đang phải sử dụng nguồn nước ngầm, nước mưa, nước giếng khoan hoặc nước giếng của chương trình Unicef chưa đảm bảo hợp vệ sinh theo quy chuẩn của Bộ Y tế chính vì vậy tiềm năng phát triển khách hàng, tăng doanh thu để phát triển Công ty là rất lớn.

11.3 Sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung thế giới:

Cùng với việc định hướng phát triển của Công ty là đẩy mạnh cung cấp nước cho ngành sản xuất, Công ty triển khai đầu tư để cung cấp nước cho một số khu vực đang phát triển các doanh nghiệp sản xuất. Ngoài ra, yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền tại Nghệ An cũng hướng tới việc đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp thu hút đầu tư, tăng cường sự phát triển cho tỉnh....

IV. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Một số thông tin chủ yếu về kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa:

Cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch:

- Căn cứ nhiệm vụ chính trị do UBND tỉnh Nghệ An giao cho Công ty
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trước khi cổ phần hóa
- Căn cứ vào nhu cầu thị trường cung cấp nước sạch trong tương lai

Mục tiêu chung:

- Trở thành một trong những Công ty trong nhóm Công ty lớn của ngành cấp nước đô thị Việt Nam;
- Sản lượng nước thương phẩm trên 32 triệu m³/năm và Doanh thu đạt mức trên 200 tỷ đồng/năm vào năm 2020;
- Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng 3;
- Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân tỉnh nhà.
- Góp phần đưa Nghệ An trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu về tỷ lệ người dân đô thị được sử dụng nước sạch (thành phố Vinh 97%, khu vực các đô thị còn lại 95%).

Mục tiêu cụ thể:

- Thực hiện theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh Nghệ An và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong công tác cấp nước, giữ vững ổn định trong hoạt động của Công ty sau cổ phần hóa.
- Đảm bảo việc cấp nước đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và đảm bảo nhu cầu dùng nước của nhân dân trên địa bàn Công ty đang quản lý.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên thống nhất, đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Mở rộng ngành nghề hoạt động kinh doanh, tiến tới mở rộng thị trường nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

2. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 5 năm liền kề sau khi cổ phần hóa:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm2016	Năm2017	Năm2018	Năm2019	Năm2020
1	Khối lượng SP sản xuất nước	m ³	32,573,361	34,910,843	37,472,067	40,112,531	42,077,069
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	22,590,700	24,855,466	27,290,949	29,931,072	32,572,121
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	31	29	27	25	22
4	Khách hàng lắp đặt mới tăng thêm	Hộ	7,300	7,300	6,850	6,350	6,900
5	Doanh thu nước máy	Đồng	162.465.213,001	178.420.152,916	195.597.090,357	214.282.571,768	234.255.645,931
6	Doanh thu khác	Đồng	12,950,000	14,410,000,000	13,645,000,000	14,065,000,000	15,110,000,000
7	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	4,369,723,378	5,555,938,399	7,937,345,208	10,750,956,917	6,822,635,906
8	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	3,408,384,235	4,333,631,951	6,191,129,262	8,385,746,395	5,321,656,007
9	Chi trả cổ tức	%	0,81	1,03	1,47	1,99	1,26

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

Các biện pháp thực hiện:

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình công ty cổ phần nhằm khai thác triệt để các chức năng, ngành nghề hiện có, đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo của Công ty. Bên cạnh đó, để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra, Công ty đưa ra các giải pháp thực hiện sau:

a. Giải pháp về vốn:

Căn cứ vào kế hoạch SXKD Công ty trên các lĩnh vực hoạt động để đưa ra các giải pháp về vốn như sau:

Về huy động vốn:

- Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, thực hiện các dự án mới;
- Vay vốn của các Ngân hàng;
- Vay vốn của các tổ chức và cá nhân với mức lãi suất phù hợp với tình hình kinh tế và tình hình doanh nghiệp.

Về quản lý vốn:

- Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có;
- Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn;
- Tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn đang bị chiếm dụng để giảm bớt các nguồn vốn vay: Thành lập tổ thu hồi công nợ do Kế toán trưởng trực tiếp chỉ đạo. Bộ phận này phải lập kế hoạch, đưa ra các giải pháp cụ thể cho việc thu hồi từng khoản nợ của các đối tượng. Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ, nhất là các khoản nợ dây dưa kéo dài. Có chế tài thích hợp để bộ phận thu hồi công nợ hoạt động có hiệu quả.

b, Giải pháp kỹ thuật:

- Đầu tư phân vùng tách mạng khu vực thành phố Vinh và vùng phụ cận, đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm giảm tỷ lệ thất thoát toàn bộ hệ thống cấp nước, xác định đúng nhu cầu về áp lực, lưu lượng từng tuyến ống để vận hành quản lý mạng lưới hoạt động một cách hiệu quả.
- Đầu tư các dự án trọng điểm để xây mới, cải tạo và mở rộng nhà máy nước (Hung Vinh, Cầu Bạch, Đô lượng), ống truyền dẫn, ống phân phối nước, vùng phục vụ mới để đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và du lịch, nước cho Tổ hợp khu công nghiệp đô thị VSIP 7 Nghệ An. Xây dựng lộ trình thực hiện đầu tư các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh Nghệ An.
- Tiếp tục đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ theo dõi, quản lý hệ thống cấp nước, chất lượng nước và khách hàng trên nền tảng công nghệ SCADA và GIS, có lộ trình thực hiện cụ thể:

- + Thiết lập phần mềm quản lý vật tư, máy móc thiết bị, kiểm định đồng hồ;
- + Nâng cấp và duy trì Website của Công ty;
- + Nâng cấp mở rộng hệ thống SCADA đến tất cả các vùng cấp nước của Công ty

c, Giải pháp quản lý.

- Tổ chức tổng kiểm tra cơ bản tất cả các đối tượng dùng nước, phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, công an để làm công tác điều tra khách hàng xử lý các vụ vi phạm trong việc dùng nước, cắt bỏ hộ vi phạm sử dụng nước hoặc đấu nối trái phép và xử lý nghiêm.
- Mọi hoạt động của các phòng ban, bộ phận của Công ty, phải phục vụ công tác ghi và thu có hiệu quả. Điều này phải được quán triệt đến tất cả cán bộ công nhân viên

trong công ty. Nhân viên ghi thu là những người bán hàng trực tiếp cần được tuyển chọn và đào tạo thật tốt để có đủ trình độ và phẩm chất làm việc cho Công ty.

- Cải thiện mức độ dịch vụ đến với khách hàng. Công ty phải chịu trách nhiệm đến cùng với sản phẩm của mình, trực tiếp giải quyết các tồn tại, vướng mắc đáp ứng kịp thời các đòi hỏi của khách hàng. Đảm bảo sự công bằng giữa người mua và người bán, khách hàng dùng bao nhiêu trả bấy nhiêu.

- Tiếp tục hoàn thiện chế độ trả lương gắn với vị trí, hiệu quả công việc nhằm khuyến khích, động viên cán bộ, công nhân viên làm việc có hiệu quả và có quy chế phạt nghiêm khắc đối với những người vi phạm quy định của Công ty.

- Xây dựng mạng lưới thông tin với khách hàng thật tốt nhằm phát hiện các đầu máy sọt, trái phép và phát hiện rò rỉ, tiếp nhận các thông tin về cấp nước để kịp thời sửa chữa và thi công đầu mới, làm cơ sở cho khả năng tăng số hộ khách hàng dùng nước.

- Để đạt được mục tiêu phát triển vừa đảm bảo cấp nước, vừa phải đạt được kết quả kinh doanh trước hết Công ty phải sắp xếp bộ máy tổ chức theo mục tiêu kinh doanh mà quan trọng nhất là nâng cao năng lực cấp nước và công tác ghi thu sản phẩm cấp nước.

d. Giải pháp về tổ chức sản xuất:

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Công ty đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả; tính toán phương án thi công tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn hoá cao nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của các bộ phận, cá nhân:

- Hàng năm, Công ty có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho CBCNV, có hướng quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, công nhân chuyên ngành.

- Phát động phong trào thi đua thường xuyên, hàng quý, hàng tháng trên các công trình trọng điểm, các giai đoạn cần thiết, thi đua hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng.

e. Giải pháp về lao động, tiền lương:

Về chính sách lao động:

- Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;

- Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Tổ chức đào tạo, nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật bằng các hình thức như: Đào tạo tại chỗ và gửi đi học các trường đào tạo nghề;

- Đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao, công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề;

Về chính sách tiền lương:

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý;

- Đối với lao động trực tiếp: Khoán tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng bộ phận quản lý và người lao động;

- Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho công ty;

- Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,...

f. Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể

- Chịu sự lãnh đạo của các Sở, ban ngành và UBND tỉnh Nghệ An thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động sản xuất.

- Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tăng cường giáo dục đội ngũ CBCNV phát huy truyền thống hơn 58 năm phát triển và trưởng thành của Công ty để đưa Công ty ngày càng phát triển một cách vững chắc.

- Phát động các phong trào thi đua nhằm động viên các bộ phận đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

- Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ ...


V. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về Công ty cổ phần

Để kế thừa và phát huy uy tín thương hiệu của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An đã tạo dựng trên thị trường, Công ty đã xác định tên và thương hiệu của Công ty cổ phần như sau:

- **Tên tiếng Việt:** CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
- **Tên viết tắt:** CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
- **Tên tiếng Anh:** NGHE AN WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY.
- **Tên viết tắt:** NAWASCO.,JSC



- **Logo Công ty:** 
- **Địa chỉ trụ sở chính:** Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- **Điện thoại:** 0388.668.118 **Fax:** 0388.668.118
- **Email:** capnuocna@gmail.com
- **Website:** www.nawasco.com.vn
- **Hình thức hoạt động:** Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An có
 - Tư cách pháp nhân kể từ ngày đăng ký kinh doanh.
 - Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập.
 - Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.
 - Được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của công ty cổ phần và Luật doanh nghiệp, được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh:

Nhằm phát huy cơ sở vật chất kỹ thuật và các phương tiện máy móc thiết bị hiện có, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, phần đầu có lợi nhuận để chi trả cổ tức cho các cổ đông, Công ty dự kiến ngành nghề kinh doanh như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (khai thác nước khô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai	3600 (Chính)
2	Hoạt động tư vấn thiết kế chuyên dụng	7410

	(Tư vấn thiết kế, thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình cấp thoát nước)	
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp)	4390
4	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
5	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí và công nghệ nhà máy sản xuất nước	4322
7	Hoạt động tư vấn quản lý (Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu và quản lý dự án công trình cấp thoát nước)	7020
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư kinh doanh địa ốc, nhà ở chung cư, dịch vụ quản lý chung cư và cao ốc văn phòng)	6810
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước đến cấp 3)	7110
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng các công trình cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật)	4290
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu chuyên ngành cấp thoát nước	2599
12	Xây dựng nhà các loại	4100
13	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh(Mua bán vật liệu xây dựng và vật tư thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước)	4752
15	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Lắp đặt hệ thống phòng, chữa cháy; trụ cứu hỏa)	4329
16	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chuyên ngành cấp	4663

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy công ty:

Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty sau khi chuyển sang Công ty cổ phần bao gồm:

- Hội đồng quản trị; Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Giám đốc công ty;
- Các Phó giám đốc;
- Ban Kiểm soát; trưởng ban kiểm soát;

+ 04 phòng trực thuộc: :

- Phòng Tổ chức - Hành chính
- Phòng Kinh doanh
- Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật
- Phòng Tài vụ

+ 03 Ban:

- Ban quản lý dự án cải tạo mạng giảm thất thoát nước thành phố Vinh (giai đoạn 1)
- Ban quản lý dự án cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh
- Ban Thanh tra

+ 03 Xí nghiệp:

- Xí nghiệp xây lắp nước
- Xí nghiệp cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh, quản lý 05 trạm trực thuộc (bao gồm: Trạm dịch vụ cấp nước số 1, số 2, số 3; Trạm cấp nước Cầu Bạch; Trạm cấp nước Nam Đàn)
- Xí nghiệp cấp nước các đô thị miền Tây, quản lý 09 trạm cấp nước trực thuộc bao gồm:

Trạm Kỳ Sơn

+ Trạm Tương Dương

+ Trạm Con Cuông

+ Trạm Anh Sơn

+ Trạm Đô Lương

+ Trạm Thanh Chương

+ Trạm Tân Kỳ

+ Trạm Quỳnh Hợp

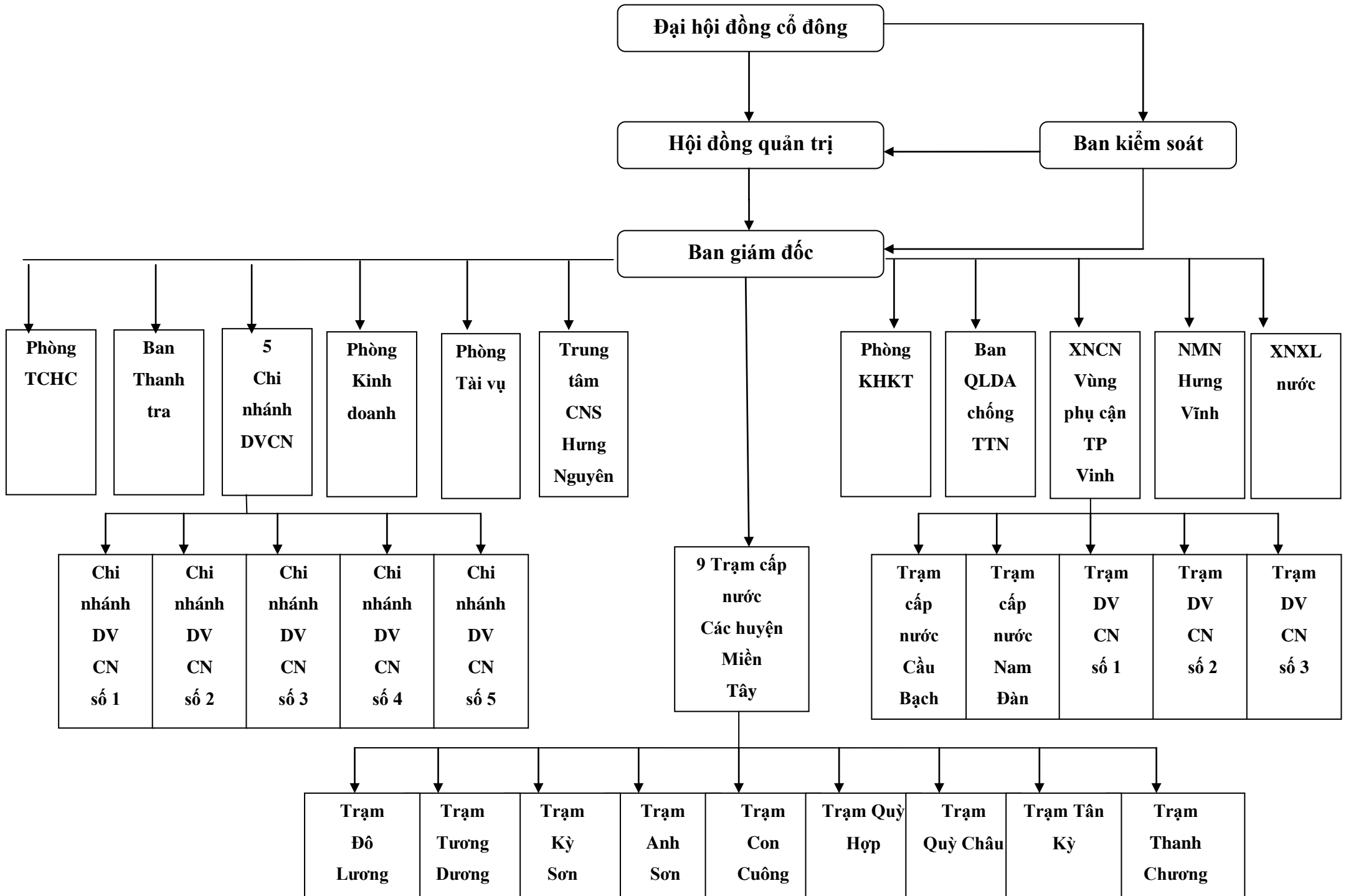
+ Trạm Quỳnh Châu

+ Trung tâm cấp nước sạch Hưng Nguyên

+ Nhà máy nước Hưng Vĩnh

+ 5 Chi nhánh dịch vụ cấp nước: số 1, số 2, số 3, số 4, số 5.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN



Chức năng các bộ phận:

a. Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi bổ sung điều lệ; bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

b. Hội đồng quản trị:

Là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty cổ phần quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty cổ phần. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật và điều lệ công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Chủ tọa cuộc họp Đại hội cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

d. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Giám đốc.

e. Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc:

Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị trực thuộc cơ bản hoạt động theo mô hình hiện tại, tuy nhiên khi thay đổi cơ cấu tổ chức chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc sẽ được thay đổi cho phù hợp với nhiệm vụ.

Phòng Kinh doanh

- Tham mưu cho Giám đốc về quản lý khách hàng và kết quả khối lượng sản phẩm
- Quản lý đội thu ngân tại địa bàn thành phố Vinh, với tiêu chí; thu đúng, thu đủ, thu kịp thời sản phẩm nước sạch đã tiêu thụ hàng tháng.
- Cung cấp số liệu về tình hình tiêu thụ nước sạch, thống kê khách hàng làm cơ sở xây dựng kế hoạch tổ chức SXKD, đảm bảo nguồn tài chính cho Công ty phát triển SXKD.

Phòng Tổ Chức - Hành chính

- Lập kế hoạch tổ chức bộ máy, tổ chức tuyển dụng, sắp xếp nhân lực, đào tạo nhân lực (đào tạo nội bộ), tổ chức thi tuyển nâng bậc, quản lý hồ sơ lý lịch, làm thống kê báo cáo, xây dựng quy chế nội bộ về Lao động, tiền lương....theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.
- Phối hợp với các đoàn thể quần chúng tổ chức phong trào thi đua, các đợt học tập thời sự, chính trị, chính sách, văn hoá, ngoại ngữ để nâng nghiệp vụ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ đồng thời tổng hợp, đánh giá kết quả Thi đua - Khen thưởng - Kỷ luật trong toàn Công ty.

Phòng Kế hoạch kỹ thuật

- Xây dựng, tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.
- Quản lý kỹ thuật hệ thống cấp nước, các công trình XD/CB liên quan thuộc thẩm quyền Công ty quản lý; thực hiện các công tác tư vấn thiết kế, giám sát, thẩm định các công trình cấp, thoát nước trong và ngoài tỉnh.
- Tham mưu Giám đốc Công ty về đầu tư, phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển các trạm, nhà máy.
- Nghiên cứu cải tiến công nghệ đang sản xuất để nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm; Quản lý các định mức kỹ thuật.
- Quản lý kỹ thuật mạng lưới cấp nước, máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh. Giám sát việc thi công, lắp đặt, cải tạo các công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Vinh.
- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về chế độ vận hành của trạm bơm cấp 2 và các trạm bơm tăng áp. Trực tiếp điều hành lưu lượng, áp lực theo chế độ được Giám đốc duyệt.

Phòng Tài vụ

- Hạch toán công tác thống kê kế toán trong toàn đơn vị, quản lý tài chính, tài sản, vật tư tiền vốn của nhà nước cũng như của Công ty đảm bảo đúng chế độ của nhà nước.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tổ chức thực hiện công tác quản lý tài chính đúng chế độ chính sách và pháp luật của nhà nước, đảm bảo hài hoà 3 lợi ích (nhà nước, doanh nghiệp, người lao động)
- Lập kế hoạch tổ chức thực hiện công tác thống kê, kế toán tại phòng và các đơn vị phụ thuộc. Đảm bảo nguồn tài chính cho Công ty phát triển SXKD và thực hiện các kế hoạch tái đầu tư mở rộng sản xuất.
- Thực hiện các chế độ nộp ngân sách, trích nộp các khoản bảo hiểm cũng như tiền lương, tiền thưởng, chế độ ngày lễ, ngày tết, chế độ ốm đau, thai sản của người lao động đầy đủ, kịp thời

Ban Thanh tra

- Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra giám sát khách hàng sử dụng nước.
- Rà soát chuyên đổi mục đích sử dụng nước của khách hàng.
- Thanh tra, kiểm tra những hành vi, vi phạm trong nội bộ và ngoài công ty (Kể cả khách hàng và không phải khách hàng) liên quan đến công việc quản lý mạng cấp nước của Công ty.
- Xử lý đơn thư khiếu nại của khách hàng và của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Phối hợp cùng các phòng ban, Chi nhánh trong công tác kiểm tra xử lý vi phạm của khách hàng.

Các chi nhánh dịch vụ cấp nước

- Quản lý, ghi khối lượng tiêu thụ nước của khách hàng bao gồm các hộ cơ quan và dân cư đóng trên địa bàn chi nhánh quản lý. Lắp đặt, cải tạo, sửa chữa toàn bộ hệ thống ống cấp 3, ống nhánh và đồng hồ đo nước trên địa bàn các phường, xã.
- Tiếp nhận và hướng dẫn khách hàng làm thủ tục lắp đặt sử dụng nước máy trên địa bàn.
- Khảo sát, thiết kế và lập hồ sơ quyết toán (theo đơn giá, định mức của cấp có thẩm quyền phê duyệt và ban hành).
- Thi công lắp đặt đầu nối mới cho khách hàng, lập biên bản nghiệm thu lắp đặt có xác nhận của khách hàng.
- Phối hợp với phòng KHKT quản lý các tuyến ống cấp 1, cấp 2 như: phát hiện rò

ri, sự cố... các hiện tượng vi phạm quy chế quản lý mạng báo cáo công ty kịp thời để xử lý, giám sát, sử dụng nước các hòng cứu hoả thuộc địa bàn chi nhánh quản lý.

Xí nghiệp phụ cận TP. Vinh

- Sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt, cung cấp nước đến các khách hàng (hộ dân, cơ quan) tại khu vực vùng phụ cận thành phố Vinh.

- Quản lý bảo vệ toàn bộ tài sản thuộc hệ thống cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh do nhà nước đầu tư và các tài sản khác do Công ty đầu tư xây dựng.

- Vận hành, bảo dưỡng toàn bộ các hệ thống đường ống cấp nước, máy móc, thiết bị các Trạm sản xuất.

- Tham gia lắp đặt mạng ống cấp 3 và đấu nối từ đồng hồ về trước theo thiết kế được duyệt hoặc có điều chỉnh theo thực tế hiện trường, đẩy nhanh tốc độ phát triển khách hàng.

Xí nghiệp cấp nước các đô thị Miền Tây

- Sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt, cung cấp nước đến các khách hàng (hộ dân) tại khu vực các Thị trấn Miền Tây.

- Quản lý bảo vệ toàn bộ tài sản thuộc hệ thống cấp nước các đô thị Miền Tây do nhà nước đầu tư và các tài sản khác do Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An đầu tư xây dựng.

- Vận hành, bảo dưỡng toàn bộ các hệ thống đường ống cấp nước, máy móc, thiết bị các trạm sản xuất.

- Tham gia lắp đặt mạng ống cấp 3 và đấu nối từ đồng hồ về trước theo thiết kế được duyệt hoặc có điều chỉnh theo thực tế hiện trường, đẩy nhanh tốc độ phát triển khách hàng.

Xí nghiệp xây lắp nước

- Thừa uỷ quyền của Giám đốc Công ty tham gia đấu thầu các công trình, ký kết hợp đồng và thi công lắp đặt các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, điện năng.

- Thi công lắp đặt, cải tạo mạng cấp nước trong và ngoài Thành phố.

- Quản lý điều hành nhân lực. giải quyết chế độ lương, thưởng, kỷ luật theo các điều khoản của Luật lao động và các điều cam kết trong Hợp đồng lao động đã ký.

Ban quản lý dự án

- Lập kế hoạch, quản lý dự án;

- Thực hiện các hoạt động đấu thầu và quản lý hợp đồng;

- Quản lý tài chính tài sản và giải ngân;
- Công tác hành chính, điều phối và trách nhiệm giải trình;
- Công tác theo dõi, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện, thu bàn giao, quyết toán Dự án;

Trung tâm cấp nước sạch Hưng Nguyên

- Sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt, cung cấp nước đến các khách hàng (hộ dân, cơ quan) tại khu vực Hưng Nguyên.

- Quản lý bảo vệ toàn bộ tài sản thuộc hệ thống cấp nước Hưng Nguyên do nhà nước đầu tư và các tài sản khác do Công ty TNHH 1 TV cấp nước Nghệ An đầu tư xây dựng.

- Tham gia lắp đặt mạng ống cấp 3 và đấu nối từ đồng hồ về trước theo thiết kế được duyệt hoặc có điều chỉnh theo thực tế hiện trường, đẩy nhanh tốc độ phát triển khách hàng.

Nhà máy nước Hưng Vĩnh

- Sản xuất cấp nước sạch, phục vụ đời sống nhân dân và các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ quan, trường học...trên địa bàn Thành phố Vinh.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả toàn bộ tài sản thuộc hệ thống dây chuyền cấp nước 2 vạn và 4 vạn do Nhà nước đầu tư và các tài sản khác do Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An đầu tư xây dựng.

- Quản lý điều hành nhân lực, giải quyết chế độ tiền lương, thưởng, xử lý kỷ luật theo các điều khoản của Luật lao động và các điều cam kết trong hợp đồng lao động đã ký.

- Vận hành hệ thống các máy móc, thiết bị Nhà máy. Xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất hạ tầng, máy móc thiết bị Nhà máy và các trạm sản xuất, trên cơ sở phê duyệt của Phòng Kỹ thuật và Lãnh đạo Công ty.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, khối xóm trên địa bàn phường Cửa Nam và huyện Hưng Nguyên thực hiện tốt công tác bảo vệ, an toàn trật tự khu vực trạm bơm I Cầu Mượu, cầu Đước và khu vực Nhà máy.

3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

3.1 Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ:

Vốn và cơ cấu vốn điều lệ của công ty

STT	Nội dung	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)
I	Vốn điều lệ	29.562.207	100,00	295.622.076.000
	Trong đó:			
1	Cổ phần nhà nước nắm giữ	15.076.726	51,00	150.767.266.530
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp, bao gồm:	2.650.400	8,97	26.504.000.000
2.1	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước	723.800	2,45	7.238.000.000
2.2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động cam kết làm việc tiếp tại Công ty sau cổ phần hóa :	1.926.600	6,52	19.266.000.000
a	Cổ phần cam kết thông thường (200 cổ phần /1năm)	498.400	1,69	4.984.000.000
b	Cổ phần cam kết cho lao động là chuyên gia giỏi (500 cổ phần/1năm)	1.428.200	4,83	14.282.000.000
3	Cổ phần bán cho Tổ chức công đoàn Công ty	30.000	0,1	300.000.000
4	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	5.902.540	19,97	59.025.400.000
5	Cổ phần bán đấu giá công khai cho nhà đầu tư khác	5.902.541	19,97	59.025.410.000

Nguồn: Quyết định số 5333 /QĐ-UBND ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An thành công ty cổ phần

Lưu ý: Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài được phép mua 5.902.541 cổ phần, tương ứng với số cổ phần chào bán ra bên ngoài của công ty và bằng 19,97% vốn điều lệ của công ty.

3.2 Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần:

Không có

4. Rủi ro dự kiến:

4.1 Rủi ro kinh tế

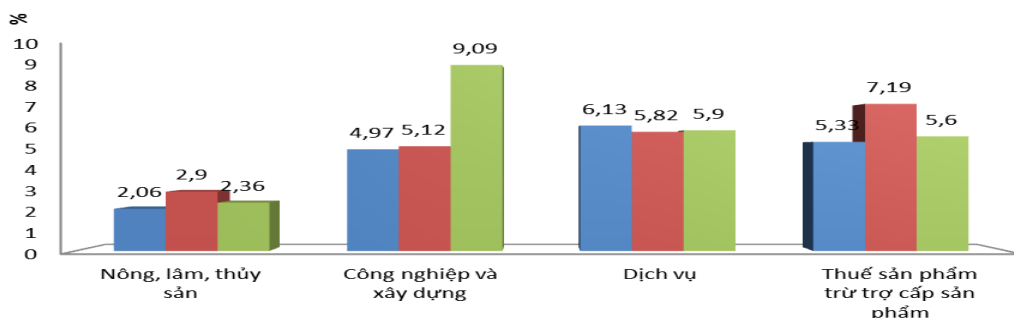
a. Rủi ro tăng trưởng

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Công ty TNHH MTV TTTT Đường sắt Vinh là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

Trong nửa đầu 2015, nền kinh tế Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội để tiếp đà phục hồi với kỳ vọng tăng trưởng GDP vào khoảng 6,0-6,2%, cao hơn mức kỳ vọng 5,9% của năm 2014. Có thể nhận định rằng năm 2015 sẽ là một năm nhiều hứa hẹn của thị trường này. Các hiệp định Thương mại sắp được ký kết tạo điều kiện phát triển thuận lợi mà cũng không ít thách thức cho các doanh nghiệp trong nước.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2015 ước tính tăng 6,28% so với cùng kỳ năm 2014, trong đó quý I tăng 6,08%; quý II tăng 6,44%. Trong mức tăng 6,28% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,36; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,09; khu vực dịch vụ tăng 5,90%.

Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước



	Nông, lâm, thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
6 tháng năm 2013	2,06	4,97	6,13	5,33
6 tháng năm 2014	2,9	5,12	5,82	7,19
6 tháng năm 2015	2,36	9,09	5,9	5,6

Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn nhiều rủi ro mà nền kinh tế Việt Nam có thể phải đối mặt trong năm 2015, bao gồm:

Kinh tế thế giới nguy cơ tăng trưởng chậm lại đặc biệt là khu vực châu Âu, Trung Quốc và Nhật Bản, tác động tiêu cực tới thương mại toàn cầu cũng như xuất khẩu của Việt Nam, kể cả các doanh nghiệp FDI.

Giá hàng hóa nguyên liệu thô và năng lượng giảm mạnh ảnh hưởng xuất khẩu của Việt Nam do đây là các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của các doanh nghiệp trong nước, trong khi Việt Nam nhập khẩu nhiều hàng tiêu dùng có giá trị cao do đó cán cân thương mại sẽ bị bất lợi.

Mất cân đối chi tiêu Ngân sách khi 70% chi ngân sách là dùng để chi thường xuyên, chỉ có 17% là cho đầu tư phát triển, phần còn lại là để trả nợ gốc. Giá dầu giảm cũng làm giảm đáng kể nguồn thu NSNN khiến Chính phủ có thể phải phát hành nhiều nợ hơn, cạnh tranh vốn với khu vực tư nhân và làm tăng mặt bằng lãi suất. Đồng USD tăng giá so với nhiều đồng tiền mạnh khác cũng như các đồng tiền khác trong khu vực, gây ra áp lực giảm giá đồng Việt Nam.

Một khi nền kinh tế tăng trưởng nói chung chậm lại, sức tiêu dùng kém sẽ ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của Công ty. Mặt khác, tăng trưởng của ngành cấp nước qua nhiều năm còn chưa cao. Tuy nhiên, xét về mặt dài hạn, ngành cấp nước là tương đối ổn định, nên rủi ro tăng trưởng kinh tế sẽ ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của Công ty nhưng không đáng kể.

b. Rủi ro lạm phát

Lạm phát thường xảy ra do hai nguyên nhân chính là chi phí đẩy hoặc cầu kéo. Tổng cầu gia tăng do sự gia tăng của tiêu dùng hộ gia đình, chi tiêu Chính phủ, đầu tư và thay đổi rơng từ hoạt động xuất nhập khẩu.

Nửa cuối năm 2014 chứng kiến xu hướng giảm bất thường của chỉ số giá. Mới 3 năm trước chống lạm phát cao và tái lập các cân đối vĩ mô là ưu tiên số một của Chính phủ thì lạm phát thấp hiện đang đặt ra những thách thức mới cho công tác điều hành kinh tế. Hiện tượng giảm giá hàng hóa cơ bản được ghi nhận trên toàn cầu, đều do nhu cầu tiêu thụ suy yếu trong khi nguồn cung tăng vọt. Chỉ số giá lương thực và thực phẩm thế giới giảm tháng thứ 16 liên tiếp. Giá dầu thế giới đã giảm 25% trong vòng 4 tháng qua. Giá dầu tương lai giảm càng làm gia tăng nguồn cung trong ngắn hạn, đẩy giá dầu tụt dốc nhanh. Lạm phát thấp có thể làm giảm tổng cầu trong ngắn hạn và kéo lạm phát xuống thấp hơn. Người tiêu dùng có thể kỳ vọng giá cả sẽ tiếp tục giảm trong tương lai nên hạn chế chi tiêu hiện tại. Đối với doanh nghiệp, giá cả hàng hóa thấp làm giảm doanh thu và

tăng gánh nặng nợ thực. Doanh nghiệp khó khăn tìm nguồn thu để trả nợ nên sẽ hạn chế đầu tư và vay mượn.

Đến nửa đầu năm 2015, lạm phát của Việt Nam duy trì ở mức thấp, nhưng có thể cao hơn chút đỉnh so với năm 2014. Nguyên nhân là do, giá cả hàng hóa thế giới được dự báo sẽ tiếp tục giảm; tăng trưởng tín dụng dự kiến sẽ tăng (nhờ mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2015 là 6,2% được Quốc hội thông qua); Chỉ số giá hàng phi lương thực, thực phẩm đã có xu hướng giảm tháng thứ 6 liên tiếp; Sự gia tăng của các yếu tố tổng cầu, như: sự phục hồi kinh tế, việc ký kết các hiệp định thương mại tự do, cải thiện môi trường đầu tư, nên đầu tư tư nhân và đầu tư của Chính phủ sẽ gia tăng, tiêu dùng tư nhân được cải thiện do kinh tế phục hồi và tiền lương được cải thiện... Tuy nhiên diễn biến lạm phát 6 tháng cuối năm 2015 vẫn sẽ phụ thuộc nhiều vào việc điều chỉnh giá của các mặt hàng thiết yếu, đặc biệt là do Nhà nước quản lý như xăng dầu, giáo dục, điện nước...

Việc tăng giá các mặt hàng thiết yếu sẽ tác động không nhỏ đến hành vi của người tiêu dùng, ảnh hưởng phần nào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

4.2 Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các Luật, Nghị định... liên quan đến chương trình cổ phần hóa và Luật doanh nghiệp, thuế... Bên cạnh đó, do hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ quản lý, nên công ty cũng chịu sự điều chỉnh của các luật khác, trong đó có Luật Bảo vệ môi trường, Luật tài nguyên nước...

4.3 Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Doanh nghiệp sản xuất nước sạch chịu sự ảnh hưởng của hai yếu tố chính là nước thô và nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là các hóa chất, không chiếm nhiều tỷ trọng trong giá vốn.

Nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch được khai thác từ nguồn nước tự nhiên. Nước thô phụ thuộc vào sự ổn định trữ lượng nguồn nước và chất lượng nước. Tuy nhiên Công ty có thể gặp các rủi ro từ điều kiện tự nhiên của nguồn nước như: nguy cơ nhiễm mặn, nguy cơ ô nhiễm từ các nhà máy trên địa bàn, giảm lưu lượng nước, đặc biệt vào mùa khô...

b. Rủi ro thất thoát nước

Rủi ro thất thoát nước có thể xảy ra do hệ thống đường ống gặp trục trặc hoặc do các tổ chức, cá nhân thi công công trình làm bể đường ống cấp nước. Nguy cơ này làm

cho việc cung cấp nước sạch không được liên tục, lưu lượng, áp lực và chất lượng nước không được đảm bảo.

c. Rủi ro về giá cả

Ngành cấp nước là ngành dịch vụ công chịu sự kiểm soát của nhà nước. Các doanh nghiệp cấp nước phải tuân thủ các quy định pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Đặc biệt, giá nước luôn được nhà nước quan tâm, điều chỉnh sao cho hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp cấp nước và đối tượng sử dụng nước bằng cách ban hành các khung giá nước áp dụng cho từng khu vực liên quan trong phạm vi cả nước. Với khung giá nước được định sẵn kèm theo tỷ lệ thất thoát nước cao luôn được xem là hạn chế trong việc đảm bảo sự tăng trưởng lợi nhuận cho doanh nghiệp cấp nước.

Trong chiến lược phát triển ngành cấp nước tới 2025, Việt Nam đang hướng tới xây dựng một thị trường cấp nước cạnh tranh hơn bằng cách xã hội hóa ngành cấp nước. Khi đó, tất yếu sẽ xảy ra sự cạnh tranh giữa những doanh nghiệp cấp nước về mức giá bán và chất lượng cung cấp. Tuy nhiên, việc xây dựng một thị trường như vậy là một quá trình lâu dài, có thể mất khoảng 15 - 20 năm theo lộ trình ngành cấp nước.

d) Rủi ro tài chính:

Do đặc điểm ngành cấp nước, công ty cần phải đầu tư mới cho máy móc thiết bị, hệ thống đường ống nhằm giảm thiểu tối đa tỷ lệ thất thoát nước sạch. Vì vậy, tài sản cố định luôn chiếm tỷ lệ cao trong tổng tài sản của công ty. Điều này một phần cũng tác động đến việc Công ty phải sử dụng các nguồn vay nợ để tài trợ cho các hoạt động này.

Hiện tại, công ty đang sử dụng các hệ thống sản xuất bằng nguồn vốn vay. Trong tương lai phát sinh các khoản trả nợ vay cả gốc và lãi là một khoản chi phí phát sinh lớn mà công ty phải có trách nhiệm trả. Chỉ tính riêng trong năm 2014, trong BCTC năm 2014 của Công ty ghi nhận khoản chi trả lãi vay tương đương gần 11.4 tỷ đồng, chỉ xếp sau khoản chi trả hàng hóa dịch vụ và chi trả cho người lao động. Sẽ rất khó khăn cho công ty nếu công tác quản lý sản xuất và sản phẩm không hiệu quả sẽ gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nguồn tài chính của đơn vị.

Hoạt động kinh doanh của công ty là thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội nên vấn đề lợi nhuận chưa đạt được kết quả như mong muốn. Đây cũng là rào cản lớn, cản trở khả năng chi trả vốn vay của doanh nghiệp trong tương lai.

4.4 Rủi ro của đợt chào bán

Giá cổ phiếu chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố như tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp... Ngoài ra, việc Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An chào bán cổ phiếu trong giai đoạn thị trường chưa có nhiều diễn biến

thuận lợi, nền kinh tế vẫn chưa hoàn toàn hồi phục từ sau cuộc khủng hoảng năm 2008, tính thanh khoản trên thị trường chứng khoán, đặc biệt là trên thị trường OTC không cao. Bên cạnh đó do hoạt động trong lĩnh vực công ích nên sự quan tâm của các nhà đầu tư đến Công ty còn chưa nhiều.

4.5 Rủi ro khác.

Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, tai nạn lao động ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

5. Phương thức bán và thanh toán

5.1 Phương thức bán:

S tt	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)	Phương thức bán	Giá bán
1	Nhà nước	15.076.726	150.767.266.530	51,00	-	-
2	CB CNV bao gồm:	2.650.400	26.504.000.000	8,97	Chào bán trực tiếp cho CB CNV có tên trong danh sách lao động thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	-
	- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực Nhà nước	723.800	7.238.000.000	2,45		<i>60% giá bán thỏa thuận thấp nhất thành công giữa nhà đầu tư chiến lược và Ban chỉ đạo cổ phần hóa</i>
	- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động cam kết làm việc tiếp tại Công ty sau cổ phần hóa (a) + (b)	1.926.600	19.266.000.000	6,52		<i>Giá bán thỏa thuận thấp nhất thành công giữa nhà đầu tư chiến lược và Ban chỉ đạo cổ phần hóa</i>
	a Cổ phần cam kết thông thường (200 cổ phần /1năm)	498.400	4.984.000.000	1,69		
	b Cổ phần cam kết cho lao động là chuyên gia giỏi (500 cổ phần/1năm)	1.428.200	14.282.000.000	4,83		
3	Tổ chức Công đoàn	30.000	300.000.000	0,10		<i>60% giá bán thỏa thuận thấp nhất thành công giữa nhà đầu tư chiến lược và Ban chỉ đạo cổ phần hóa</i>
4	Nhà đầu tư chiến lược: Công ty cổ phần Mía đường Sông Con Địa chỉ: Khôi 05, thị trấn Tân	5.902.540	59.025.400.000	19,97	Bán thỏa thuận với Ban chỉ đạo cổ phần hóa trước cuộc đấu giá công khai	<i>Giá thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá khởi điểm 10.000 đồng</i>

	Kỳ, huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An					
5	Bán đấu giá công khai ra bên ngoài	5.902.541	59.025.410.000	19,97	Bán đấu giá công khai tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Thời điểm thực hiện đấu giá và thanh toán tiền mua cổ phần do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành trong quy chế đấu giá. Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phiếu	<i>Theo giá đấu thành công thực tế</i>
	Tổng cộng	29.562.207	295.622.076.530	100,00		

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

5.2 Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán:

- **Đối với Nhà đầu tư chiến lược:** Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần sẽ theo quy định của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.

- **Đối với cổ phần bán đấu giá công khai:** Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định chi tiết tại “Quy chế đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An” do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

- **Đối với cổ phần chào bán cho Người lao động, Tổ chức Công đoàn công đoàn:** Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần sẽ theo quy định của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.

5.3 Đối tượng tham gia và số lượng cổ phần đăng ký mua qua đấu giá công khai:

Đối tượng tham gia: Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của “Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An” do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

- Số lượng cổ phần đặt mua tối thiểu: 100 cổ phần
- Số lượng đặt mua tối đa: 5.902.541 cổ phần
- Số lượng đặt mua:
Theo bội số 100 (trừ trường hợp nhà đầu tư đặt mua toàn bộ khối lượng cổ phần đấu giá)
- Giá khởi điểm: 10.000 đồng/ cổ phần
- Đặt cọc: Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
- Bước giá: 100 đồng.
- Bước khối lượng: 100 cổ phần

5.4 Thời gian và địa điểm thực hiện đối với bán đấu giá công khai

Thời gian, địa điểm nhận Công bố thông tin, đăng ký tham dự đấu giá: Thông tin về cuộc đấu giá được công bố công khai trên 3 số báo liên tiếp của báo phát hành toàn quốc và báo địa phương, đăng trên website chính thức của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, tổ chức tư vấn và tại trụ sở chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An;

- Thời gian và địa điểm nhận phiếu đấu giá: được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành;

- Thời gian tổ chức đấu giá: được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành;

- Địa điểm tổ chức đấu giá:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39412626

Fax: (84.4) 39347818

- Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc: được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành

Lưu ý:

Thời gian và địa điểm thực hiện đối với chào bán cho người lao động, tổ chức Công đoàn và Nhà đầu tư chiến lược: Theo quy định của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.

6. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa:

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP như sau:

Số tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và chi giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo chế độ nhà nước quy định và quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Phần còn lại được xử lý theo quy định tại điểm c dưới đây.

Trường hợp tiền thu từ cổ phần hóa tại doanh nghiệp không đủ giải quyết chính sách cho người lao động dôi dư thì được bổ sung từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khi cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Trong trường hợp Công ty còn dư sau khi thanh toán chi phí cổ phần hóa, chi trả trợ cấp cho người lao động dôi dư theo chế độ nhà nước, số tiền còn lại nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định 59/2011/NĐ-CP.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá đấu bình quân là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

Số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Giá trị
-----	-----------	---------

1	Vốn nhà nước sau khi đánh giá lại	295.622.076.530
2	Vốn điều lệ Công ty cổ phần làm tròn	295.622.070.000
3	Tổng số tiền thu từ bán cổ phần	141.839.610.000
	- Từ bán cổ phần ưu đãi 60% cho CBCNV (giá mua 6.000đ/cổ phần)	4.342.800.000
	- Từ bán cổ phần cam kết làm việc cho CBCNV	19.266.000.000
	- Từ bán cổ phần cho Tổ chức Công đoàn	180.000.000
	- Bán cho nhà đầu tư chiến lược	59.025.400.000
	- Từ bán đấu giá công khai	59.025.410.000
4	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	500.000.000
5	Chi phí dự tính chi trả chế độ cho lao động không bố trí được việc làm khi cổ phần hóa	3.726.451.150
6	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp = (3 - 4 - 5)	137.613.158.850

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty

Số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp chưa bao gồm chi phí bán đấu giá cổ phần.

7. Những người chịu trách nhiệm chính với nội dung công bố thông tin:

7.1 Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông Nguyễn Ngọc Đức: Phó Giám đốc Sở Tài chính

Ông Huỳnh Thanh Cảnh: Phó Giám đốc Sở Xây dựng

Ông Nguyễn Đăng Dương: Phó Giám đốc Sở Lao động thương binh và xã hội.

Ông Phan Thế Ngọc: Trưởng phòng TCDN, Sở Tài chính

Ông Hồ Việt Dũng: Trưởng phòng Kế hoạch Công nghiệp và Dịch vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư

Ông Đào Quang Thiên: Phó phòng KTTH, Văn phòng UBND tỉnh

Ông Nguyễn Xuân Thắng Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.

7.2 Đại diện Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

Ông Nguyễn Xuân Thắng: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.

7.3 Đại diện tổ chức tư vấn bán đấu giá:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương

Ông Nguyễn Đỗ Lăng: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An cung cấp.

VI. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14, Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước, Công ty có nghĩa vụ:

a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn

tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Sau khi thực hiện xong quá trình cổ phần hóa, Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định trên nếu Công ty đáp ứng đủ các điều kiện về công ty đại chúng và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán.

VII. KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin này được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An cung cấp theo quy định. Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo Bản công bố thông tin này cùng Quy chế đấu giá cổ phần, cổ phiếu do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phiếu Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.

**NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC
NỘI DUNG THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC NGHỆ AN
CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN NGỌC ĐỨC

NGUYỄN XUÂN THẮNG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG
CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN ĐỖ LĂNG